

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC KẠN  
TỈNH BẮC KẠN  
Bản án số: 18/2021/HS-ST  
Ngày 28/01/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Tạ Văn Tư

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đoàn Thị Nhâm

2. Bà Nguyễn Thị Anh Tú.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:** Bà Hứa Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/HSST, ngày 29 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/8/1983 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Biên H và bà Phạm Thị T1; Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc H1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2019 đến ngày 28/11/2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày 05/8/2020.

2. Nguyễn Việt B, sinh ngày 21/7/1992 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng B1 và bà Dương Thị N1; Có vợ là Triệu Thị T (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2019 đến ngày 28/11/2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày 05/8/2020.

3. Nông Đức N, sinh ngày 12/12/1993 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn H2 và bà Lộc Thị D; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/7/2020 đến ngày 05/8/2020.

4. Tạ Văn N2, sinh ngày 20/4/1997 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị Q; Có vợ là Lương Thị H3 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 38/2019/HS-PT ngày 21/11/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/7/2020 đến ngày 05/8/2020.

5. Tạ Nguyễn L, sinh ngày 14/4/1992 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Uy P và bà Hà Thị T3; Có vợ là Nguyễn Thị Hải Y và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/7/2020 đến ngày 05/8/2020.

Các bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn C1 sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị B2 sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T4 sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Gia N3 sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ C, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

5. Bà Nông Thị P1 sinh năm 1982; Nơi cư trú: tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

6. Ông Dương Minh N4 sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị V sinh năm 1967; Nơi cư trú: Tổ B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

8. Bà Phạm Thị H4 sinh năm 1968; Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Trọng B3 sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

10. Ông Phan Duy P2 sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

11. Ông Đinh Duy C2 sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ B, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

12. Bà Hà Thị T5 sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
13. Bà Hà Thị C3 sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
14. Ông Đặng Văn Đ sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn B, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
15. Ông Hoàng Ngọc T6 sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
16. Bà Nguyễn Tuyết P3 sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
17. Ông Hoàng Văn Đ1 sinh năm 1989; Nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).
18. Ông Nguyễn Văn H5 sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
19. Ông Nông Minh P4 sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
20. Bà Nguyễn Thị Tuyết V sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
21. Ông Nguyễn Văn K sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
22. Bà Chu Hoài T7 sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
23. Bà Hà Thị P5 sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
24. Ông Hồ Văn T8 sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
25. Ông Nguyễn Văn K1 sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
26. Ông Lèng Văn N5 sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
27. Ông Hoàng Đức T9 sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
28. Bà Triệu Thị K2 sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
29. Ông Nguyễn Văn S sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
30. Bà Âu Thị B4 sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
31. Bà Vy Thị T10 sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
32. Ông Hoàng Văn H6 sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).
33. Ông Dương Văn T11 sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

34. Ông Hoàng Phúc N6 sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

35. Bà Bàn Thị X sinh năm 1988; Nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10 năm 2017, Nguyễn Văn T cùng Bàn Xuân E mở cửa hàng cho thuê xe máy điện, xe mô tô, dịch vụ cầm đồ “A” tại Tổ F, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, người đứng tên kinh doanh là Bàn Xuân E. T và E thống nhất cơ sở cầm đồ “A” sẽ hoạt động cho vay lãi nặng với hai hình thức: “Vay lãi năm” và “Vay bốc bát họ”.

Vay lãi năm: Khách có thể vay số tiền bất kỳ, tính lãi ngày là 5.000đ/1.000.000đ/1ngày (Tính ra lãi suất 0,5%/1ngày = 182,5%/1 năm), 10 ngày trả lãi một lần đến khi nào trả hết số tiền gốc vay thì dừng trả lãi.

Vay bốc bát họ: Quy định 01(một) bát là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Thực tế khi khách vay thì chỉ được nhận 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền mặt nhưng phải ghi trong giấy vay tiền là vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) sau đó sẽ thu lãi và gốc hàng ngày trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Như vậy, với 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền gốc cho vay, trong vòng 50 ngày thì sẽ thu được 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền lãi, trung bình mỗi ngày thu 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng) tiền lãi trên 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền gốc vay (Tính ra mức lãi trung bình là 5.000đ/1.000.000đ/1ngày = lãi suất 0,5%/1 ngày = 182,5%/1 năm).

Nguyễn Văn T là người đầu tư toàn bộ tiền vốn cho khách vay, Bàn Xuân E sẽ trực tiếp cho khách vay tiền, làm thủ tục cho vay, thu tiền lãi, tiền gốc, nhắc nợ, lập sổ theo dõi chi tiêu hàng ngày. Hàng tháng T và E sẽ tổng hợp số tiền cho vay trong tháng, tiền gốc thu lại, tiền lãi thu được, chi trả các chi phí cho quầy “A”, sau đó lợi nhuận thu được từ việc cho vay lãi suất cao sẽ được chia tỷ lệ T hưởng 60%, E hưởng 40%. Đến tháng 3 năm 2018, T và E thuê thêm Tạ Văn N2 để hỗ trợ công việc cho vay lãi nặng. Hàng ngày N2 ở quầy làm thủ tục cho khách vay tiền, thu tiền lãi, tiền gốc, nhắc nợ, nhập số liệu theo dõi các khách vay hình thức bốc bát họ, N2 được trả lương từ 4.000.000đ (bốn triệu đồng) đến 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng. Đến tháng 9 năm 2019, Tạ Nguyễn L cũng được T và E thuê hỗ trợ công việc cho vay lãi nặng với nhiệm vụ tương tự N2, với mức lương 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1tháng.

Đến tháng 6/2018, Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Việt B mở cơ sở cầm đồ “B” tại Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, mua bán trao đổi ô tô, xe máy nhưng thực tế chủ yếu là hoạt động cho vay lãi nặng. Nguyễn Việt B là người đứng tên đăng ký kinh doanh nhưng thực tế T là người đầu tư toàn bộ vốn cho khách vay, B sẽ trực tiếp cho khách vay tiền, làm thủ tục cho vay, thu tiền lãi, tiền gốc, nhắc nợ, lập sổ theo dõi chi tiêu hàng ngày. Hàng tháng T và B sẽ tổng hợp số tiền cho vay trong tháng, tiền gốc thu lại,

tiền lãi thu được, các chi phí cho quỹ “B”, T trả B lương 5.000.000đ (năm triệu đồng)/1 tháng, còn lợi nhuận thu được bao nhiêu T sẽ giữ. T và B thống nhất cơ sở cầm đồ “B” cũng cho vay tiền lãi nặng với hai hình thức Vay lãi nằm và Vay bóc bát họ. Tuy nhiên, về mức lãi vay thì quy định cao hơn so với quỹ “A”, cụ thể Vay lãi nằm tính lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày (Lãi suất 01%/1 ngày = 365%/1 năm); Vay bóc bát họ cũng quy định 01(một) bát là 10.000.000đ (mười triệu đồng), khi vay khách chỉ được nhận 8.000.000đ (tám triệu đồng) nhưng phải viết giấy vay tiền là vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) và phải trả số tiền này đều đặn hàng ngày trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng), trung bình mỗi ngày thu 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền lãi trên 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền gốc vay (Tính ra mức lãi trung bình là 6.250đ/1.000.000đ/1 ngày = lãi suất 0,625%/1 ngày = 228,125%/1 năm). Từ tháng 01/2019, T thuê Nông Đức N giúp việc cho vay và thu hồi nợ, trả lương 3.000.000đ/1 tháng. Đến tháng 7/2019, thì Nguyễn Việt B nghỉ việc, N tiếp tục công việc cho vay lãi nặng tại quỹ cầm đồ “B” cùng T với mức lương 5.000.000đ (năm triệu đồng)/1 tháng.

Từ khi bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng đến tháng 11/2019, T cùng E, B, N, N2, L đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 182,5%/1 năm đến 365%/1 năm, vượt quá hơn 05 lần mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự cho phép là 20%/1 năm, thu lợi bất chính hàng trăm triệu đồng, cụ thể như sau:

**\*Tại cơ sở cầm đồ “A”:** Quá trình điều tra đã làm rõ, từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2019, Nguyễn Văn T đã cùng Bàn Xuân E, Tạ Văn N2 cho 24 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 658.000.000đ (sáu trăm năm mươi tám triệu đồng), tổng tiền gốc đã thu là 395.480.000đ (ba trăm chín mươi năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), gốc chưa thu là 262.520.000đ (hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) tổng tiền lãi đã thu là 164.020.000đ (một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là **146.045.000đ** (một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn đồng). Cụ thể:

1. Trần Văn C1, vay hình thức bóc bát:

Ngày 17/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 30/10/2019 đã thu đủ gốc và lãi số tiền 10.000.000đ, trong đó lãi là 2.000.000đ, gốc là 8.000.000đ.

Ngày 30/10/2019, vay 02 bát số tiền 16.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu 16 ngày số tiền 6.400.000đ, trong đó lãi đã thu là 1.280.000đ, gốc đã thu là 5.120.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 13.120.000đ, lãi đã thu là 3.280.000đ, gốc chưa thu là 10.880.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.921.000đ**.

2. Nguyễn Thị B2, vay hình thức bóc bát:

Ngày 27/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 24/10/2019, đã thu gốc và lãi được 50 ngày là 10.000.000đ, trong đó tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 24/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu gốc và lãi được 23 ngày là 4.600.000đ, trong đó lãi đã thu là 920.000đ, gốc đã thu là 3.680.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 11.680.000đ, lãi đã thu là 2.920.000đ, gốc chưa thu là 4.320.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.600.000đ**.

3. Nguyễn Thị T4, vay hình thức bốc bát:

Ngày 19/5/2019, vay số lượng 02 bát số tiền 16.000.000đ đến tháng 9/2019 đã thu đủ 50 ngày, trong đó gốc đã thu là 16.000.000đ, lãi đã thu là 4.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **3.562.000đ**.

4. Nguyễn Gia N3, vay hình thức bốc bát:

Ngày 17/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu gốc và lãi được 27 ngày, trong đó gốc đã thu là 4.320.000đ, lãi đã thu là 1.080.000đ, gốc chưa thu là 3.680.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **962.000đ**.

5. Nông Thị P1, vay hình thức bốc bát:

Ngày 18/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 17/11/2019 đã thu 30 ngày, trong đó lãi đã thu là 1.200.000đ, gốc đã thu là 4.800.000đ.

Ngày 08/11/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ. Đến ngày 17/11/2019 đã thu được 09 ngày, trong đó lãi đã thu là 180.000đ, gốc đã thu là 720.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 5.520.000đ, lãi đã thu là 1.380.000đ, gốc chưa thu là 6.480.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.229.000đ**.

6. Dương Minh N4, vay hình thức bốc bát:

Ngày 11/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 08/11/2019, thu đủ 50 ngày, trong đó số tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.781.000đ**.

7. Nguyễn Thị V, vay hình thức bốc bát:

Ngày 11/9/2019, vay 02 bát số tiền 16.000.000đ. Đến ngày 30/10/2019, thu đủ 50 ngày tiền gốc và lãi là 20.000.000đ, trong đó lãi đã thu là 4.000.000đ, gốc đã thu là 16.000.000đ.

Ngày 08/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu 38 ngày với số tiền 7.600.000đ, trong đó lãi đã thu là 1.520.000đ, gốc đã thu là 6.080.000đ.

Ngày 08/11/2019, vay 02 bát số tiền 16.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu gốc và lãi được 07 ngày số tiền 2.800.000đ, trong đó tiền lãi đã thu là 560.000đ, tiền gốc đã thu là 2.240.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 24.320.000đ, lãi đã thu là 6.080.000đ, gốc chưa thu là 15.680.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **5.414.000đ**.

8. Phạm Thị H4, vay hình thức bốc bát:

Ngày 08/7/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 02/10/2019, thu đủ gốc và lãi, trong đó lãi là 2.000.000đ, gốc là 8.000.000đ.

Ngày 02/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 04/11/2019, thu đủ gốc và lãi, trong đó lãi là 2.000.000đ, gốc là 8.000.000đ.

Ngày 04/11/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu gốc và lãi được 10 ngày, trong đó lãi đã thu là 400.000đ, gốc đã thu là 1.600.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 17.600.000đ, lãi đã thu là 4.400.000đ, gốc chưa thu là 6.400.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **3.918.000đ**.

9. Nguyễn Trọng B3, vay hình thức lãi năm:

Giữa năm 2018, vay số tiền 20.000.000đ. Đến tháng 11/2019, đã thu lãi số tiền là 46.000.000đ, gốc chưa thu là 20.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **40.958.000đ**.

10. Phan Duy P2, vay hình thức bóc bát:

Ngày 03/9/2019, vay 1,5 bát số tiền 12.000.000đ, đến ngày 19/10/2019 đã thu đủ gốc và lãi, trong đó gốc đã thu là 12.000.000đ, lãi đã thu là 3.000.000đ.

Ngày 03/11/2019, vay 1,5 bát số tiền 12.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu lãi và gốc được 12 ngày, lãi đã thu là 720.000đ, gốc đã thu là 2.880.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 14.880.000đ, lãi đã thu là 3.720.000đ, gốc chưa thu là 9.120.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **3.312.000đ**.

11. Đinh Duy C2, vay hình thức bóc bát:

Ngày 09/9/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 27/10/2019 thu đủ gốc và lãi, trong đó gốc là 4.000.000đ, lãi là 1.000.000đ.

Ngày 09/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 thu gốc và lãi được 37 ngày, trong đó lãi đã thu là 1.480.000đ, gốc đã thu là 5.920.000đ.

Ngày 27/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 thu gốc và lãi được 19 ngày, trong đó lãi đã thu là 380.000đ, gốc đã thu là 1.520.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 11.440.000đ, lãi đã thu là 2.860.000đ, gốc chưa thu là 4.560.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **2.547.000đ**.

12. Hà Thị T5, vay hình thức bóc bát:

Ngày 28/8/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 15/10/2019 thu đủ tiền gốc và lãi, trong đó số tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 27/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 10/11/2019 thu đủ tiền gốc và lãi, trong đó số tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 10/11/2019, vay 02 bát số tiền 16.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 07 ngày, trong đó lãi đã thu là 560.000đ, gốc đã thu là 2.240.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 18.240.000đ, lãi đã thu là 4.560.000đ, gốc chưa thu là 13.760.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **4.060.000đ**.

13. Hà Thị C3, vay hình thức bóc bát:

Ngày 08/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 25/10/2019 thu đủ tiền gốc và lãi, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 02/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 43 ngày, trong đó lãi đã thu là 860.000đ, gốc đã thu là 3.440.000đ.

Ngày 25/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu gốc và lãi được 21 ngày, trong đó lãi đã thu là 840.000đ, gốc đã thu là 3.360.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 14.800.000đ, lãi đã thu là 3.700.000đ, gốc chưa thu là 5.200.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **3.295.000đ**.

14. Đặng Văn Đ, vay hình thức lãi nằm:

Ngày 23/7/2018, vay số tiền 10.000.000đ. Đến tháng 11/2019, đã thu số tiền lãi là 12.750.000đ, tiền gốc đã thu là 5.000.000đ.

Ngày 19/6/2019, vay số tiền 10.000.000đ. Đến tháng 11/2019, đã thu lãi số tiền 6.650.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu về là 5.000.000đ, lãi đã thu về là 19.400.000đ, gốc chưa thu 15.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **17.273.000đ**.

15. Hoàng Ngọc T6, vay hình thức bóc bắt:

Ngày 13/9/2018, vay 03 bát số tiền 24.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 41 ngày, trong đó lãi đã thu là 4.920.000đ, gốc đã thu là 19.680.000đ.

Cũng trong ngày 13/9/2018, Tuấn tiếp tục vay 04 bát số tiền 32.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 30 ngày, trong đó lãi đã thu là 4.800.000đ, gốc đã thu là 19.200.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 38.880.000đ, lãi đã thu là 9.720.000đ, gốc chưa thu là 17.120.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **8.655.000đ**.

16. Nguyễn Tuyết P3, vay hình thức bóc bắt:

Ngày 25/8/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ. Đến ngày 16/11/2019, đã thu lãi và gốc số tiền 7.000.000đ, trong đó tiền lãi đã thu là 1.400.000đ, gốc đã thu là 5.600.000đ, gốc chưa thu là 2.400.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.247.000đ**.

17. Hoàng Văn Đ1, vay hình thức lãi nằm:

Ngày 23/7/2019, vay số tiền 10.000.000đ, đến tháng 11/2019 đã thu lãi số tiền 4.000.000đ, đã thu gốc.

Tháng 8/2019, vay số tiền 10.000.000đ, đến tháng 10/2019 đã thu lãi số tiền 1.500.000đ, đã thu gốc.

Ngày 29/10/2019, vay số tiền 10.000.000đ, đã thu lãi số tiền 500.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu là 20.000.000đ, lãi đã thu là 6.000.000đ, gốc chưa thu là 10.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **5.342.000đ**.

18. Nguyễn Văn H5, vay hình thức bóc bắt:

Ngày 30/9/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 29/10/2019 thu đủ 50 ngày, trong đó lãi đã thu là 1.000.000đ, gốc đã thu là 4.000.000đ.

Ngày 10/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 35 ngày, trong đó lãi đã thu là 700.000đ, gốc đã thu là 2.800.000đ.

Ngày 29/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu 16 ngày, trong đó số tiền lãi đã thu là 320.000đ, gốc đã thu là 1.280.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 8.080.000đ, lãi đã thu là 2.020.000đ, gốc chưa thu là 3.920.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.799.000đ**.

19. Nông Minh P4, vay hình thức bóc bắt:

Trong tháng 9/2019, vay 03 lần tổng là 04 bát số tiền 32.000.000đ. Đến ngày 11/11/2019, đã thu đủ lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 8.000.000đ, gốc đã thu là 32.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **7.123.000đ**.

20. Nguyễn Thị Tuyết V1, vay hình thức bóc bắt:

Ngày 01/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 08/10/2019 thu đủ lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 14/9/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 31/10/2019 thu đủ gốc và lãi, trong đó lãi đã thu là 1.000.000đ, gốc đã thu là 4.000.000đ.

Ngày 08/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 10/11/2019 thu đủ lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.



Ngày 31/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đã thu gốc và lãi được 15 ngày, trong đó lãi đã thu là 300.000đ, gốc đã thu là 1.200.000đ.

Ngày 10/11/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu lãi và gốc được 05 ngày, trong đó lãi đã thu là 200.000đ, gốc đã thu là 800.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 22.000.000đ, lãi đã thu là 5.500.000đ, gốc chưa thu là 10.000.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **4.897.000đ**.

21. Nguyễn Văn K, vay hình thức bóc bát:

Ngày 25/8/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 04/10/2019 thu đủ tiền lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 04/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 08/11/2019 thu đủ tiền lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 08/11/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 đã thu được 06 ngày, trong đó lãi đã thu là 240.000đ, gốc đã thu là 960.000đ.

Tổng tiền lãi đã thu là 4.240.000đ, tiền gốc đã thu là 16.960.000đ, gốc chưa thu là 7.040.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **3.775.000đ**.

22. Chu Hoài T7, vay hình thức bóc bát:

Ngày 01/9/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đến ngày 13/10/2019 thu đủ tiền lãi và gốc, trong đó lãi đã thu là 2.000.000đ, gốc đã thu là 8.000.000đ.

Ngày 13/10/2019, vay 01 bát số tiền 8.000.000đ, đã thu được 33 ngày, trong đó lãi đã thu là 1.320.000đ, gốc đã thu là 5.280.000đ.

Tổng tiền lãi đã thu là 3.320.000đ, tiền gốc đã thu là 13.280.000đ, gốc chưa thu là 2.720.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.956.000đ**.

23. Hà Thị P5, vay hình thức bóc bát:

Ngày 11/9/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 24/10/2019 thu đủ tiền gốc và lãi, trong đó lãi là 1.000.000đ, gốc là 4.000.000đ.

Ngày 24/10/2019, vay 0,5 bát số tiền 4.000.000đ, đến ngày 16/11/2019 thu lãi và gốc được 22 ngày, trong đó lãi đã thu là 440.000đ, gốc đã thu là 1.760.000đ.

Tổng tiền lãi đã thu là 1.440.000đ, gốc đã thu là 5.760.000đ, gốc chưa thu là 2.240.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.282.000đ**.

24. Hồ Văn T8, vay hình thức bóc bát:

Ngày 29/6/2018, vay 20 bát nhận số tiền 160.000.000đ. Đến tháng 11/2019, đã thu số tiền lãi là 17.000.000đ, tiền gốc đã thu là 68.000.000đ, tiền gốc chưa thu là 92.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **15.137.000đ**.

Riêng Tạ Nguyễn L, từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019, L được thuê vào làm việc tại quây (A) và đã tham gia giúp Nguyễn Văn T, Bàn Xuân E cho 18 người (nằm trong tổng số 24 người đã nêu ở trên) vay tiền với lãi suất 5000đ/1 triệu/1 ngày = 182,5%/1năm, với tổng số tiền lãi đã thu là 59.900.000đ (năm mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng), số tiền thu lợi bất chính là **53.337.000đ** (năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Cụ thể:

1. Trần Văn C1 vay ngày 17/9/2019 và ngày 30/10/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.280.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.921.000đ**.

2. Nguyễn Thị B2 vay ngày 27/9/2019 và ngày 24/10/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.920.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.600.000đ**.

3. Nguyễn Gia N3 vay ngày 17/10/2019. Số tiền lãi đã thu là 1.080.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **962.000đ**.

4. Nông Thị P1 vay ngày 18/10/2019 và ngày 08/11/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.380.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.229.000đ**.

5. Dương Minh N4 vay ngày 11/10/2019, số tiền lãi đã thu là 2.000.000đ, số tiền đã thu lợi bất chính là **1.781.000đ**.

6. Nguyễn Thị V vay ngày 11/9/2019, ngày 08/10/2019 và ngày 08/11/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 6.080.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **5.414.000đ**.

7. Phạm Thị H4 vay ngày 02/10/2019 và ngày 04/11/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.400.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **2.137.000đ**.

8. Phan Duy P2 vay ngày 03/9/2019 và ngày 03/11/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.720.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **3.312.000đ**.

9. Đinh Duy C2 vay ngày 09/9/2019, ngày 09/10/2019, ngày 27/10/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.860.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **2.547.000đ**.

10. Hà Thị T5 vay ngày 28/8/2019, ngày 27/9/2019, ngày 10/11/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 4.560.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **4.060.000đ**.

11. Hà Thị C3 vay ngày 08/9/2019, ngày 02/10/2019, ngày 25/10/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.700.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **3.295.000đ**.

12. Nguyễn Tuyết P3 vay ngày 25/8/2019. Số tiền lãi đã thu là 1.400.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.247.000đ**.

13. Nguyễn Văn H5 vay ngày 30/9/2019, ngày 10/10/2019, ngày 29/10/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.020.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.799.000đ**.

14. Nông Minh P4 vay tháng 9/2019, số tiền lãi đã thu là 8.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **7.123.000đ**.

15. Nguyễn Thị Tuyết V1 vay ngày 01/9/2019, ngày 14/9/2019, ngày 08/10/2019, ngày 31/10/2019, ngày 10/11/2019. Tổng số tiền lãi đã thu là 5.500.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là **4.897.000đ**.

16. Nguyễn Văn K vay ngày 25/8/2019, ngày 04/10/2019 và ngày 08/11/2019. Tổng tiền lãi đã thu là 4.240.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **3.775.000đ**.

17. Chu Hoài T7 vay ngày 01/9/2019 và ngày 13/10/2019. Tổng tiền lãi đã thu là 3.320.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.956.000đ**.

18. Hà Thị P5 vay ngày 11/9/2019, ngày 24/10/2019. Tổng tiền lãi đã thu là 1.440.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.282.000đ**.

**\*Tại cơ sở cầm đồ “B” hoạt động cho vay diễn tra trong 03 giai đoạn, cụ thể :**

- Giai đoạn 1: Từ khi thành lập tháng 6/2018 đến tháng 12/2018, T đã cùng Nguyễn Việt B cho 09 (chín) người vay tiền, hình thức vay lãi nằm với lãi suất 365%/1 năm, hình thức vay bóc bắt họ với lãi suất 228,125%/1 năm. Tổng số tiền cho vay là 218.000.000đ (hai trăm mười tám triệu đồng), đã thu lại tiền gốc cho vay là 175.000.000đ (một trăm bảy mươi năm triệu đồng), tiền lãi đã thu được là 102.200.000đ (một trăm linh hai triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là **95.516.000đ** (chín mươi năm triệu, năm trăm mười sáu nghìn đồng). Cụ thể:

1. Nguyễn Văn K1, vay lãi nằm:

Ngày 17/11/2018, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 12/12/2018, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 100.000đ, đã thu gốc.

Ngày 21/12/2018, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 400.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu là 3.000.000đ, gốc chưa thu là 2.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 700.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **662.000đ**.

2. Lềng Văn N5, vay lãi năm:

Ngày 25/9/2018, vay 2.000.000đ, đến tháng 10/2018 đã thu lãi 600.000đ, đã thu gốc.

Ngày 30/10/2018, vay 2.000.000đ, đến tháng 11/2018 đã thu lãi 400.000đ, đã thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu là 4.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 1.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **945.000đ**.

3. Hoàng Đức T9, vay lãi năm:

Ngày 09/11/2018, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 24/11/2018, vay 2.000.000đ, đến tháng 12/2018 đã thu lãi 800.000đ, đã thu gốc.

Ngày 17/12/2018, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 100.000đ, đã thu gốc.

Ngày 25/12/2018, vay 5.000.000đ, đã thu lãi 500.000đ, đã thu gốc.

Ngày 27/12/2018, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 100.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu là 10.000.000đ, gốc chưa thu là 1.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 1.700.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.607.000đ**.

4. Triệu Thị K2, vay lãi năm:

Ngày 05/7/2018, vay 6.000.000đ, đã thu lãi 1.800.000đ, đã thu gốc.

Ngày 09/8/2018, vay 7.000.000đ, đã thu lãi 2.100.000đ, đã thu gốc.

Ngày 25/9/2018, vay 8.000.000đ, đến tháng 12/2018 đã thu lãi 8.800.000đ, đã thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu là 21.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 12.700.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **12.004.000đ**.

5. Nguyễn Văn S, từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2018, vay hình thức bốc bát 07 lần, tổng 10 bát số tiền 80.000.000đ, đã thu đủ lãi là 20.000.000đ, đã thu gốc. Số tiền đã thu lợi bất chính là 18.247.000đ.

6. Âu Thị B4, vay lãi năm: Ngày 26/6/2018, vay số tiền 15.000.000đ. Đến tháng 12/2018, đã thu lãi số tiền 30.000.000đ, chưa thu gốc. Số tiền đã thu lợi bất chính là **28.356.000đ**.

7. Vy Thị T10, vay lãi năm:

Ngày 08/8/2018, vay 6.000.000đ, đến tháng 11/2018 đã thu lãi 6.600.000đ.

Ngày 06/9/2018, vay 7.000.000đ, đến tháng 11/2018 đã thu lãi là 5.600.000đ.

Tổng số tiền gốc chưa thu là 13.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 12.200.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **11.532.000đ**.

8. Hoàng Văn H6, vay lãi năm:

Ngày 10/10/2018, vay 3.000.000đ, đã thu lãi 300.000đ, đã thu gốc.

Ngày 22/11/2018, vay 2.000.000đ, đã thu lãi đến tháng 12/2018 là 400.000đ, đã thu gốc.

Ngày 31/12/2018, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền gốc đã thu là 5.000.000đ, gốc chưa thu là 2.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 900.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **851.000đ**.

9. Dương Văn T11, vay hình thức bốc bát và vay lãi năm:

Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2018 vay bốc bát 06 lần, tổng là 6,5 bát số tiền 52.000.000đ, đã thu đủ lãi là 13.000.000đ, đã thu gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 11.860.000đ

Ngày 19/10/2018, vay lãi năm số tiền 10.000.000đ, đến tháng 12/2018 đã thu lãi số tiền 10.000.000đ, chưa thu gốc. Số tiền đã thu lợi bất chính là 9.452.000đ.

Tổng số tiền gốc đã thu là 52.000.000đ, gốc chưa thu 10.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 23.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **21.312.000đ**.

- Giai đoạn 2: Từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019, Nguyễn Văn T thuê thêm Nông Đức N giúp Nguyễn Việt B trực tiếp thực hiện. T đã cùng Nguyễn Việt B và Nông Đức N tiếp tục cho 10 (mười) người vay tiền với lãi suất 10.000đ/1triệu/1ngày, tương đương lãi suất 365%/1 năm, đồng thời thu lãi và gốc của các khoản vay trước đó. Tổng số tiền đã cho vay là 104.000.000đ (một trăm linh tư triệu đồng), đã thu lại tiền gốc cho vay là 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng), tiền lãi đã thu là 77.100.000đ (bảy mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là **72.876.000đ** (bảy mươi hai triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Cụ thể:

1. Nguyễn Văn K1, vay hình thức lãi năm:

Tháng 01/2019, thu lãi 300.000đ, thu gốc 2.000.000đ khoản vay ngày 21/12/2018.

Ngày 01/3/2019, vay 2.000.000đ, đến tháng 6/2019 thu lãi số tiền 2.200.000đ, chưa thu gốc.

Ngày 02/3/2019, vay 1.000.000đ, thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 04/4/2019, vay 1.000.000đ, đến tháng 6/2019 thu lãi số tiền 700.000đ, chưa thu gốc.

Ngày 21/4/2019, vay 1.000.000đ, thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 19/5/2019, vay 1.000.000đ, đến tháng 6/2019 đã thu lãi số tiền 200.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 6.000.000đ, tiền lãi đã thu là 3.800.000đ, gốc đã thu là 4.000.000đ, gốc chưa thu là 4.000.000đ, số tiền đã thu lợi bất chính là **3.592.000đ**.

2. Lèng Văn N5, vay hình thức lãi năm:

Ngày 21/3/2019, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 400.000đ, đã thu gốc.

Ngày 21/4/2019, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 03/6/2019, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 6.000.000đ, tiền lãi đã thu là 800.000đ, gốc đã thu là 6.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **756.000đ**.

3. Hoàng Đức T9, vay hình thức lãi năm:

Tháng 01/2019, thu lãi 100.000đ, thu gốc 1.000.000đ khoản vay ngày 27/12/2018.

Ngày 10/01/2019, vay 2.000.000đ, đến tháng 2/2019 đã thu lãi số tiền 800.000đ, đã thu gốc.

Ngày 18/02/2019, vay 4.000.000đ, đến 4/2019 đã thu lãi số tiền 2.800.000đ, đã thu gốc.

Ngày 04/3/2019, vay 2.000.000đ, đến tháng 4/2019 đã thu lãi số tiền 800.000đ, đã thu gốc.

Ngày 08/3/2019, vay 3.000.000đ, đến tháng 4/2019 đã thu lãi số tiền 1.200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 16/3/2019, vay 6.000.000đ, đã thu lãi 1.200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 26/4/2019, vay 02 lần, một lần 4.000.000đ, một lần 2.000.000đ. đã thu lãi 2 khoản vay là 600.000đ, đã thu gốc 2 khoản vay.

Ngày 13/5/2019, vay 2.000.000đ, đã thu lãi đến tháng 6/2019 là 1.000.000đ, đã thu gốc.

Ngày 17/5/2019, vay 2.000.000đ, đến tháng 6/2019 đã thu lãi số tiền 800.000đ, đã thu gốc.

Ngày 24/5/2019, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 400.000đ, đã thu gốc.

Ngày 02/6/2019, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 300.000đ, đã thu gốc.

Ngày 18/6/2019, vay 3.000.000đ, đã thu lãi 10 ngày là 300.000đ, đã thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 32.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 10.300.000đ, gốc đã thu là 33.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **9.736.000đ**.

` 4. Triệu Thị K2, vay hình thức lãi năm:

Ngày 08/4/2019, vay 6.000.000đ, đến tháng 6/2019 đã thu lãi 3.000.000đ, chưa thu gốc.

Ngày 15/4/2019, vay 5.000.000đ, đến tháng 6/2019 đã thu lãi 2.500.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 11.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 5.500.000đ, chưa thu gốc 11.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **5.199.000đ**.

5. Nguyễn Văn S, vay hình thức lãi năm:

Ngày 20/02/2019, vay lãi năm số tiền 5.000.000đ, đến tháng 6/2019 đã thu lãi số tiền 6.500.000đ, đã thu gốc.

Ngày 22/6/2019, vay lãi năm số tiền 30.000.000đ, tháng 6/2019 đã thu lãi số tiền 3.000.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 35.000.000đ, gốc đã thu là 5.000.000đ, tiền gốc chưa thu là 30.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 9.500.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **8.979.000đ**.

6. Âu Thị B4, vay hình thức lãi năm: Từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2019 đã thu lãi 19.500.000đ, đã thu tiền gốc 5.000.000đ khoản vay ngày 26/6/2018. Số tiền đã thu lợi bất chính là **18.432.000đ**.

7. Vy Thị T10, vay hình thức lãi năm:

Từ tháng 01/2019 đến tháng 5/2019 đã thu lãi số tiền 4.800.000đ, chưa thu gốc khoản vay ngày 08/8/2018.

Từ tháng 01/2019 đến tháng 5/2019 đã thu lãi số tiền 6.300.000đ, chưa thu gốc khoản vay ngày 06/9/2018.

Tổng số tiền lãi đã thu là 11.100.000đ, số tiền đã thu lợi bất chính là **10.492.000đ**.

8. Hoàng Văn H6, tháng 01/2019 đã thu lãi 200.000đ, chưa thu gốc khoản vay ngày 31/12/2018. Số tiền đã thu lợi bất chính là **189.000đ**.

9. Dương Văn T11, vay hình thức lãi năm:

Thu lãi từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019 số tiền 14.000.000đ khoản vay ngày 19/10/2018.

Ngày 09/5/2019, vay 10.000.000đ, đến tháng 6/2019 đã thu lãi số tiền 2.000.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 10.000.000đ, lãi đã thu là 16.000.000đ, gốc chưa thu là 10.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **15.123.000đ**.

10. Hoàng Phúc N6, vay hình thức lãi năm: Ngày 30/6/2019, vay 4.000.000đ, tháng 6/2019 đã thu lãi số tiền 400.000đ, chưa thu gốc. Số tiền thu lợi bất chính là **378.000đ**.

- Giai đoạn 3: Từ tháng 7/2019 đến tháng 11/2019, sau khi Nguyễn Việt B nghỉ làm, T đã cùng Nông Đức N cho 10 người vay tiền với lãi suất 365%/1 năm (riêng mã vay ngày 15/8/2019 của Hoàng Đức T9 vay số tiền 15.000.000đ thì thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/01 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/1 năm), đồng thời thu lãi và gốc của các khoản vay trước đó. Tổng số tiền đã cho vay là 85.500.000đ (tám mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng), đã thu lại tiền gốc cho vay là 98.500.000đ (chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), tiền lãi đã thu là 65.350.000đ (sáu mươi năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là **61.769.000đ** (sáu mươi một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Cụ thể:

1. Nguyễn Văn K1, vay hình thức lãi năm:

Tháng 7/2019 thu lãi số tiền 600.000đ, thu gốc 2.000.000đ khoản vay ngày 01/3/2019.

Từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2019 thu lãi số tiền 700.000đ, thu gốc 1.000.000đ khoản vay ngày 04/4/2019.

Từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2019 đã thu lãi số tiền 800.000đ, thu gốc 1.000.000đ khoản vay ngày 19/5/2019.

Ngày 06/9/2019, vay 1.500.000đ, đến tháng 10/2019 đã thu lãi số tiền 1.000.000đ, đã thu tiền gốc vay 500.000đ, tiền gốc chưa thu là 1.000.000đ.

Ngày 10/9/2019, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 25/9/2019, vay 1.000.000đ, đến tháng 10/2019 đã thu lãi 400.000đ, đã thu gốc.

Ngày 03/10/2019, vay 2.500.000đ, đã thu lãi 500.000đ, chưa thu gốc.

Ngày 10/10/2019, vay 1.500.000đ, đã thu lãi 300.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 7.500.000đ, lãi đã thu là 4.500.000đ, gốc đã thu là 6.500.000đ, gốc chưa thu là 5.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **4.253.000đ**.

2. Lèng Văn N5, vay hình thức lãi năm:

Ngày 12/7/2019, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 31/7/2019, vay 2.000.000đ, đến tháng 9/2019 đã thu lãi 400.000đ, đã thu gốc.

Ngày 25/8/2019, vay 2.000.000đ, đến tháng 10/2019 đã thu lãi số tiền 800.000đ, đã thu gốc.

Ngày 10/9/2019, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 12/9/2019, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 10/10/2019, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 18/10/2019, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 100.000đ, đã thu gốc.

Ngày 28/10/2019, vay 1.000.000đ, đến tháng 11/2019 đã thu lãi 200.000đ, chưa thu gốc.

Ngày 31/10/2019, vay 2.000.000đ, chưa thu lãi và gốc.

Tổng số tiền cho vay là 14.000.000đ, tiền gốc đã thu là 11.000.000đ, tiền lãi đã thu là 2.300.000đ, tiền gốc chưa thu là 3.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.174.000đ**.

3. Hoàng Đức T9, vay hình thức lãi nằm:

Ngày 02/7/2019, vay 3.000.000đ, đến tháng 8/2019 đã thu lãi 1.500.000đ, đã thu gốc.

Ngày 07/7/2019, vay 5.000.000đ, đến tháng 8/2019 đã thu lãi 2.000.000đ, đã thu gốc.

Ngày 11/7/2019, vay 2.000.000đ, đến tháng 8/2019 đã thu lãi 900.000đ, đã thu gốc.

Ngày 17/7/2019, vay 4.000.000đ, đến tháng 8/2019 đã thu lãi 1.200.000đ, đã thu gốc.

Ngày 20/7/2019, vay 2.000.000đ, đến tháng 8/2019 đã thu lãi 600.000đ, đã thu gốc.

Ngày 22/7/2019, vay 4.000.000đ, đến tháng 8/2019 đã thu lãi 1.100.000đ, đã thu gốc.

Ngày 27/7/2019, vay 3.000.000đ, đến tháng 8/2019 đã thu lãi 600.000đ, đã thu gốc.

Ngày 10/8/2019, vay 1.000.000đ, đã thu lãi 100.000đ, đã thu gốc.

Ngày 15/8/2019, vay 15.000.000đ, đến tháng 10/2019 đã thu lãi 3.750.000đ, đã thu gốc (khoản vay này thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày); số tiền thu lợi bất chính là 3.339.000đ.

Trong ngày 15/8/2019, vay tiếp 4.000.000đ, đến tháng 10/2019 đã thu lãi 1.600.000đ, đã thu gốc.

Ngày 23/8/2019, vay 1.000.000đ, đến tháng 10/2019 đã thu lãi 500.000đ, đã thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 44.000.000đ, lãi đã thu là 13.850.000đ, gốc đã thu là 44.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **13.091.000đ**.

4. Triệu Thị K2, vay hình thức lãi nằm:

Từ tháng 7 đến tháng 8/2019 đã thu lãi 3.000.000đ, đã thu gốc 6.000.000đ khoản vay ngày 08/4/2019.

Từ tháng 7 đến tháng 8/2019 đã thu lãi 4.500.000đ, đã thu gốc 5.000.000đ khoản vay ngày 15/4/2019. Ngoài ra, ngày 23/8/2019 Kiều ký giấy vay 1.900.000đ tiền lãi nợ khoản vay ngày 15/4/2019, đến tháng 10/2019 đã thu đủ lãi 1.900.000đ.

Ngày 02/10/2019, vay 3.000.000đ, đến tháng 11/2019 đã thu lãi 1.200.000đ, chưa thu gốc.

Ngày 04/11/2019, vay 2.000.000đ, đã thu lãi 200.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 5.000.000đ, lãi đã thu là 10.800.000đ, gốc đã thu là 11.000.000đ, gốc chưa thu là 5.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **10.208.000đ**.

5. Nguyễn Văn S, từ tháng 7 đến tháng 9/2019 đã thu lãi số tiền 21.000.000đ, chưa thu gốc khoản vay ngày 22/6/2019. Số tiền đã thu lợi bất chính là **19.849.000đ**.

6. Bàn Thị X, vay hình thức lãi năm: Ngày 17/9/2019, vay 02 lần mỗi lần 5.000.000đ, tổng là 10.000.000đ. Đến tháng 10/2019, đã thu lãi số tiền 3.000.000đ, chưa thu gốc. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.836.000đ**.

7. Vy Thị T10, vay lãi năm: Tháng 10/2019 thu lãi 02 khoản vay ngày 08/8/2018 và 06/9/2018 số tiền 1.300.000đ, số tiền đã thu lợi bất chính là **1.229.000đ**.

8. Hoàng Văn H6, tháng 11/2019 thu lãi 3.000.000đ, thu gốc 2.000.000đ khoản vay ngày 31/12/2018. Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.836.000đ**.

9. Dương Văn T11, tháng 8,9/2019 đã thu tiền gốc 20.000.000đ khoản vay ngày 19/10/2018 và khoản vay ngày 09/5/2019.

10. Hoàng Phúc N6, vay hình thức lãi năm:

Từ tháng 7 đến tháng 8/2019 đã thu lãi số tiền 1.600.000đ, thu gốc 4.000.000đ khoản vay ngày 30/6/2019.

Ngày 28/8/2019, vay 5.000.000đ, đến tháng 11/2019 đã thu lãi số tiền 4.000.000đ, chưa thu gốc.

Tổng số tiền cho vay là 5.000.000đ, tiền gốc đã thu là 4.000.000đ, lãi đã thu là 5.600.000đ, tiền gốc chưa thu là 5.000.000đ. Số tiền đã thu lợi bất chính là **5.293.000đ**.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn T, Bàn Xuân E, Nguyễn Việt B, Tạ Văn N2, Tạ Nguyễn L, Nông Đức N, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Kạn và ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Kạn sao kê các giao dịch tài khoản của Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B, Bàn Xuân E. Kết quả xác định lời khai của người vay tiền về việc đã trả lãi đến các số tài khoản trên là phù hợp với nhau.

Ngày 14/11/2019, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp quày Cầm đồ “A” thu giữ:

- 02 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xanh nhạt seri 61724 (nặng 100kg) và seri 1217300 (nặng 100kg), két cũ đã qua sử dụng.

- 01 cây máy tính màu đỏ đen nhãn hiệu Smart đã qua sử dụng.

- 01 cây máy tính màu trắng nhãn hiệu Fujitsu cũ đã qua sử dụng.

- 01 kẹp gồm 02 tờ giấy A4 có ghi họ tên và các chữ số thu giữ trên bàn làm việc.

- 01 hợp đồng vay tiền cá nhân giữa Bàn Xuân E và Nguyễn Thị Tuyết V1 thu giữ tại tủ sắt cạnh bàn làm việc.

- 01 hợp đồng vay tiền cá nhân giữa Bàn Xuân E và Phạm Thị H4 thu giữ trong tủ sắt cạnh bàn làm việc.

Sau khi tạm giữ các đồ vật trên, tiến hành mở két sắt có số seri 61724 thì tạm giữ được:

- 03 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Tạ Nguyễn L.

- 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Triệu Hữu A.



Tiến hành mở kết sắt có số seri 1217300, tạm giữ:

- 01 quyển sổ có bìa màu xanh lá cây, trên bìa có dòng chữ “ENLIVO”, bên trong sổ có nội dung chữ viết tay trên 15 tờ giấy có chữ ký của Bàn Xuân E.

- 02 tờ giấy trong đó 01 tờ giấy biên nhận tiền có chữ ký bên nhận là Phạm Quyết G, bên giao là Vũ Xuân Đ, người làm chứng là Nguyễn Anh T và 01 tờ giấy hợp đồng vay tiền cá nhân giữa bên A là Vũ Xuân Đ, bên B là Nông Minh P4.

- Số tiền Việt Nam: 18.550.000đ (mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) gồm: 36 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), 05 tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Cùng ngày 14/11/2019, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp quầy Cầm đồ “B”, tại Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, tạm giữ:

- Tại mặt trên của kết sắt kê sát tường 03 tờ giấy khổ A4 được đánh máy là Sổ thu chi tháng 4 năm 2019.

- Thu tại ngăn dưới cùng tủ sắt được kê sát tường 28 tờ đề can quảng cáo, trên mặt có in chữ “Hỗ trợ vay vốn không cần thế chấp, qua thẻ, đăng ký xe, chứng minh thư, hộ khẩu”.

- Thu trên giường trong phòng ngủ 01 tờ giấy được kẻ ô có số và chữ viết tên, ngày vay, số bát, số ngày đã thu, số ngày còn lại, thành tiền, số ngày phải thu, thành tiền, đã thu.

- 01 chiếc USB Kingston màu đỏ 8G được phát hiện trong túi áo da được treo ở móc áo trong phòng ngủ.

- 01 quyển sổ bìa màu xanh có chữ Ki.ong, trong sổ có ghi các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay.

- Số tiền 4.010.000đ (bốn triệu không trăm mười nghìn đồng) được để trong kết sắt kê sát tường.

- 01 máy tính Casio được để trên mặt bàn làm việc (đã cũ).

- 01 cây máy tính nhãn hiệu FUJITSU D5280.

- 01 màn hình máy tính nhãn hiệu ^OC.

- 01 bàn phím nhãn hiệu GENIUS.

- 01 máy in nhãn hiệu Samsung.

Ngày 14/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T thu giữ:

- Một giấy vay tiền ngày 13/10/2019 ký tên Hồ Văn T8.

- Một hợp đồng vay tiền bên cho vay là Bàn Xuân E, bên vay là Hồ Văn T9, đại diện bên vay là Hồ Văn T9 (Kèm theo 01 sổ bảo hiểm của Hồ Văn T9).

- 02 Tờ giấy được kẹp ghim, tờ thứ nhất có đề mục thứ 4, ngày 30/10/2019 có danh sách của 43 người ghi các mục ngày vay, số điện thoại, tiền vay, số ngày đã thu, tổng còn phải thu, thực thu hàng ngày, ghi chú.

- 01 Quyển sổ bìa màu vàng, bên ngoài ghi chữ sổ bát, bên trong sổ có 02 tờ giấy ghi nội dung giấy vay tiền, tên người vay là Đào Thị O vay ngày 18/10 và 03 trang giấy có ghi các chữ, số, 04 tờ giấy nhó màu vàng có ghi chữ số.

- Thu giữ tại ngăn kéo tủ bên trái 01 máy tính laptop màu đen nhãn hiệu ASUS, máy không có pin và bộ sạc máy tính (tại phòng khách).

- Thu giữ tại ngăn tủ phải tại phòng khách 02 tờ giấy được kẹp ghim, tờ thứ nhất có đề mục thứ 5 ngày 31/10/2019 có danh sách của 43 người và ghi các mục ngày vay, số điện thoại, tiền vay, số ngày đã thu, tổng còn phải thu, thực thu hàng ngày, ghi chú.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải phòng khách 25 tờ giấy khổ A4 có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay tiền.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải tại phòng khách 70 tờ giấy khổ A4 có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay tiền.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải phòng khách 01 quyển sổ có bìa màu xanh, có ghi sổ lãi năm. Bên trong sổ được viết các chữ và số.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải phòng khách 01 quyển sổ bìa màu vàng có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi từ 01/01/2019 đến 26/5/2019. Ngoài bìa sổ có chữ “Giáo án”.

- Thu giữ tại ngăn tủ bên phải tại phòng khách 01 quyển sổ bìa màu xanh bên trong có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi. Bìa sổ ghi chữ “Sổ kế toán”.

- Thu giữ trong ngăn kéo ở bàn trong phòng ngủ tầng 2 một cuốn sổ ghi chép bìa màu hồng, bên trong có ghi nội dung chữ và số liên quan đến việc cho vay.

Cùng ngày 14/11/2019, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Bàn Xuân Trường tại nhà bà Ngô Thị R (Là mẹ đẻ của Bàn Xuân E) tạm giữ: 01 quyển sổ có bìa màu đen bên trong có 68 (sáu mươi tám) tờ giấy trong có 06 (sáu) tờ giấy có ghi chép các dòng chữ số và tên.

Trong quá trình điều tra, Nông Đức N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra các đồ vật, tài liệu, tài sản sau:

- 01 (một) quyển sổ có bìa màu xanh, có đề mục HÀNG NGÀY ở bìa, trong sổ kê ô và chữ số.

- 01 bản phô tô công chứng giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, tên Nguyễn Việt Bắc.

- 01 sổ theo dõi cho vay, trong sổ kê ô và ghi tên khách vay.

- 31 giấy hợp đồng vay tiền, bên cho vay là Nguyễn Việt B bên vay là: Lèng Văn N5 (06 giấy), Nguyễn Văn K1 (11 giấy), Hoàng Đức T9 (01 giấy), Âu Thị B4 (01 giấy), Triệu Thị K2 (05 giấy), Vy Thị T10 (02 giấy), Hoàng Văn H6 (01 giấy), Hoàng Phúc N6 (01 giấy), Bàn Thị X (02 giấy), Nguyễn Văn S (01 giấy); 01 Giấy hẹn trả tiền ngày 23/8/2019 của Triệu Thị K2.

- 01 sổ hộ khẩu (bản phô tô), 01 chứng minh nhân dân (bản phô tô), 01 thẻ cán bộ (bản phô tô) tên Nguyễn Văn S.

- 01 sổ hộ khẩu có tên Triệu Thị K2 (chủ hộ là Bàn Văn I)

- 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Vy Thị T10 (01 giấy), Âu Thị B4 (01 giấy), Hoàng Phúc N6 (01 giấy), Bàn Thị X (03 giấy).

- Số tiền 18.900.000đ, trong đó có 10.000.000đ là tiền của quỹ 003 dùng để xoay vòng cho khách vay tiền, còn lại 8.900.000đ là tiền lương hàng tháng của Nguyễn Văn Th trả cho Nông Đức N nhưng chưa tiêu hết.

Quá trình điều tra, Tạ Nguyễn L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra các đồ vật tài liệu sau: 20 (hai mươi) Hợp đồng vay tiền, bên cho vay là Bàn

Xuân E, Bên vay là: Nguyễn Gia N3 (02 giấy), Nguyễn Thị B2 (01 giấy), Trần Văn C1 (01 giấy), Nông Thị P1 (02 giấy), Nguyễn Thị V (02 giấy), Đinh Duy C2 (01 giấy), Phan Duy P2 (01 giấy), Hà Thị T5 (02 giấy), Hà Thị C3 (02 giấy), Nguyễn Thị Tuyết V1 (03 giấy), Hoàng Văn Đ1 (01 giấy), Nguyễn Văn H5 (01 giấy), Hà Thị P5 (01 giấy).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Đức T9 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 giấy trả tiền ngày 08/10/2019 mang tên Hoàng Đức T9, người trả Hoàng Đức T9, người nhận tiền Nông Đức N và 01 giấy vay tiền ngày 15/8/2019, bên vay Hoàng Đức T9, số tiền vay là 15.000.000đ (mười năm triệu đồng).

Cơ quan điều tra còn tạm giữ của Nông Đức N 03 (ba) điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng Gold, màn hình bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel loại bàn phím bấm màu đen có viền đỏ, máy cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu xanh, đen, máy cũ đã qua sử dụng. Mỗi chiếc điện thoại đều gắn 01 thẻ sim.

Tạm giữ của Tạ Văn N2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, bên trong có gắn 01 sim.

Tạm giữ của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Sam Sung Garaxy Note8 có gắn sim, máy đã qua sử dụng, màu đen.

Tạm giữ của Tạ Nguyễn L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu đen bạc bên trong mỗi chiếc điện thoại đều gắn 01 thẻ sim.

Tạm giữ của Nguyễn Việt B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có gắn sim, máy cũ đã qua sử dụng.

Tạm giữ của Bàn Xuân E: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, trong máy có gắn sim, máy cũ đã qua sử dụng; 01 bản phô tô công chứng giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 21/2017 do Công an thành phố Bắc Kạn cấp ngày 27/10/2017.

Ngày 19/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn ra các Quyết định trưng cầu giám định số 33, 34, 35, 36, 37, trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn giám định về chữ viết, chữ ký trên các tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi mà Cơ quan điều tra thu thập được trong quá trình khám xét và các tài liệu khác mà các đối tượng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại các Bản kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận:

1. Chữ viết trong phần đóng khung bằng mực màu đỏ trên quyền sở ký hiệu A1 với chữ viết trên bản tự khai của Bàn Xuân E (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết trên quyền sở ký hiệu A2 (trừ các chữ bằng mực màu đỏ “15/11/2019”, “Nguyễn Văn T”) với chữ viết trên bản tự khai của Bàn Xuân E (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết trên 06 “GIẤY VAY TIỀN CÁ NHÂN” có chữ ký đứng tên Lèng Văn N5 (ký hiệu từ A1 đến A6) với chữ viết tại phần “NGƯỜI KHAI” trong biên bản ghi lời khai Lèng Văn N5 (ký hiệu M1) là do cùng một người viết

ra.

**4.** Chữ viết trên 06 ‘HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN’ và 05 ‘GIẤY VAY TIỀN CÁ NHÂN’ có chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Khiên (ký hiệu từ A7 đến A17) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai của Nguyễn Văn K1 (ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

**5.** Chữ viết trên 02 (hai) ‘GIẤY VAY TIỀN CÁ NHÂN’ có chữ ký đứng tên Hoàng Đức T9 (ký hiệu A18, A19) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai Hoàng Đức T9 (ký hiệu M3) là do cùng một người viết ra.

**6.** Các chữ viết ‘B4’, ‘Âu Thị B4’ dưới mục ‘ĐẠI DIỆN BÊN B’ trên ‘HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN’ (ký hiệu A20) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai Âu Thị B4 (ký hiệu M4) là do cùng một người viết ra.

**7.** Các chữ viết trên 02 ‘HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN’, 03 (ba) ‘GIẤY VAY TIỀN CÁ NHÂN’ và 01 ‘Giấy hẹn’ có chữ ký đứng tên Triệu Thị K2, Triệu K2 (ký hiệu từ A21 đến A25 và A33) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai Triệu Thị K2 (ký hiệu M5) là do cùng một người viết ra.

**8.** Chữ viết trên 02 ‘HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN’ có chữ ký đứng tên Vy Thị T10 (ký hiệu A26, A27) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai Vy Thị T10 (ký hiệu M6) là do cùng một người viết ra.

**9.** Chữ viết trên ‘HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN’ dưới mục ‘ĐẠI DIỆN BÊN B’ có các chữ ‘Hoàng Văn H6’ (ký hiệu A28) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai Hoàng Văn H6 (ký hiệu M7) là do cùng một người viết ra.

**10.** Chữ viết trên ‘GIẤY VAY TIỀN CÁ NHÂN’ có chữ ký đứng tên Hoàng Phúc N6 (ký hiệu A29) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai Hoàng Phúc N6 (ký hiệu M8) là do cùng một người viết ra.

**11.** Chữ viết trên 02 (hai) ‘GIẤY VAY TIỀN CÁ NHÂN’ có chữ ký đứng tên Bàn Thị X (ký hiệu A30, A31) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai Bàn Thị X (ký hiệu M9) là do cùng một người viết ra.

**12.** Chữ viết trên ‘GIẤY VAY TIỀN CÁ NHÂN’ có chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S (ký hiệu A32) với chữ viết tại phần ‘NGƯỜI KHAI’ trong biên bản ghi lời khai Nguyễn Văn S (ký hiệu M10) là do cùng một người viết ra.

**13.** Các chữ viết: ‘N’, ‘Nông Đức N’ dưới mục ‘người nhận tiền’ trên ‘giấy trả tiền’, ghi ngày 08/10/2019 (ký hiệu A34) với chữ viết trong bản tự khai của Nông Đức N (ký hiệu M11) là do cùng một người viết ra.

**14.** Chữ viết trong phần đóng khung bằng mực màu đỏ trên 02 (hai) quyển sổ cần giám định (ký hiệu A1 và A2) với chữ viết trên bản tự khai của Vũ Xuân Đ (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

**15.** Chữ viết từ trang 26 đến trang 77 và trang 185 đến trang 187 (trừ các chữ viết bằng mực màu đỏ và trong phần đóng khung tại các trang 31, 39, 47, 48, 53) trong quyển sổ bìa màu xanh (ký hiệu A1) với chữ viết trong các tờ giấy có chữ viết và chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra.

**16.** Chữ viết trong quyển sổ bìa có chữ “Hàng ngày” (ký hiệu A2) với chữ viết trong bản tự khai của Nông Đức N (ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

**17.** Chữ viết tại phần họ tên người vay, địa chỉ (trừ tờ 01 và tờ 02) trong quyển sổ bìa in chữ “SỔ THEO DÕI CHO VAY” (ký hiệu A3) với chữ viết trong bản tự khai Nguyễn Việt B (ký hiệu M3) là do cùng một người viết ra.

**18.** Chữ ký, chữ viết trong 02 “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nguyễn Gia N3 (ký hiệu A1, A2) với chữ ký, chữ viết tại bản tự khai của Nguyễn Gia N3 (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra.

**19.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị B2 (ký hiệu A3) với chữ ký, chữ viết tại bản tự khai của Nguyễn Thị B2 (ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

**20.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nông Thị P1g (ký hiệu A5, A6) với chữ ký, chữ viết tại bản tự khai của Nông Thị P1 (ký hiệu M3) là do cùng một người viết ra.

**21.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hà Thị P5 (ký hiệu A21) với chữ ký, chữ viết tại bản tự khai của Nông Thị P5 (ký hiệu M4) là do cùng một người viết ra.

**22.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “đại diện bên B” có chữ ký đứng tên Trần Văn C1 (ký hiệu A4) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Trần Văn C1 (ký hiệu M5) là do cùng một người viết ra.

**23.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị V (ký hiệu A7, A8) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Nguyễn Thị V (ký hiệu M6) là do cùng một người viết ra.

**24.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Đinh Duy C2 (ký hiệu A9) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Đinh Duy C2 (ký hiệu M7) là do cùng một người viết ra.

**25.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Phan Duy P2 (ký hiệu A10) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Phan Duy P2 (ký hiệu M8) là do cùng một người viết ra.

**26.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hà Thị T5 (ký hiệu A1, A12) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hà Thị T5 (ký hiệu M9) là do cùng một người viết ra.

**27.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 02/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hà Thị C3 (ký hiệu A13) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hà Thị C3 ngày 08/01/2020 (ký hiệu M10) là do cùng một người viết ra.

**28.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hà Thị C3 (ký hiệu A14) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hà Thị C3 ngày 17/11/2019 (ký hiệu M11) là do cùng một người viết ra.

**29.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Tuyết V1 (ký hiệu A15, A16, A17, A18) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Nguyễn Thị Tuyết V1 (ký hiệu M12) là do cùng một người viết ra.

**30.** Chữ ký, chữ viết trong “GIẤY HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Hoàng Văn Đ1 (ký hiệu A19) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hoàng Văn Đ1 (ký hiệu M13) là do cùng một người viết ra.

**31.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Nguyễn Văn H5 (ký hiệu A20) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Nguyễn Văn H5 (ký hiệu M14) là do cùng một người viết ra.

**32.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” ghi ngày 25/10/2019 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” có chữ ký đứng tên Phạm Thị H4 (ký hiệu A22) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Phạm Thị H4 (ký hiệu M15) là do cùng một người viết ra.

**33.** Chữ ký, chữ viết trong “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÁ NHÂN” và “Giấy vay tiền” có chữ ký đứng tên Hồ Văn T8 (ký hiệu A23, A24) với chữ ký, chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” tại biên bản ghi lời khai Hồ Văn T8 (ký hiệu M16) là do cùng một người viết ra.

Kết quả điều tra xác định các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với động cơ, mục đích vụ lợi, trong đó Nguyễn Văn T là người chủ mưu, đầu tư vốn ở cả hai quây “A” và quây “B” để thực hiện hoạt động cho vay lãi từ đầu năm 2018 cho đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện, trong suốt thời gian đó Nguyễn Văn T chỉ đạo Bàn Xuân E, Nguyễn Việt B, Tạ Văn N2, Nông Đức N và Tạ Nguyễn L cùng thực hiện. Từ khi hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Bắc Kạn cho đến ngày 14/11/2019, Nguyễn Văn T đã chỉ đạo E, B, N, N2 và L cho 35 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 1.065.500.000đ (*một tỷ không trăm sáu mươi năm triệu, năm trăm nghìn đồng*) với lãi suất từ 182,5%/1 năm đến 365%/1 năm, gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Đã thu được của 35 người vay tổng số tiền gốc đã thu là 721.980.000đ (*bảy trăm hai mươi mốt triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*), tổng số tiền lãi là 408.670.000đ (*bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là **376.206.000đ** (*ba trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm linh sáu nghìn đồng*).

Đối với Bàn Xuân E: Từ tháng 10/2017, E cộng tác với Nguyễn Văn T mở Cơ sở dịch vụ cầm đồ “A” để hoạt động cho vay lãi nặng, Trong đó T có vai trò cầm đầu, đầu tư vốn, còn E có vai trò điều hành, chỉ huy và trực tiếp thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, hưởng lợi theo tỷ lệ thỏa thuận là 40%. Từ khi hoạt động cho vay lãi nặng đến thời điểm bị Cơ quan Công an phát hiện, Bàn Xuân E đã trực tiếp thực hiện và điều hành, chỉ đạo Tạ Văn N2, Tạ Nguyễn L thực hiện

cho 24 người vay tiền trên địa bàn thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn với lãi suất 182,5%/1 năm, với tổng số tiền cho vay là 658.000.000đ (*sáu trăm năm mươi tám triệu đồng*), tổng số tiền gốc đã thu là 395.480.000đ (*ba trăm chín mươi năm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), tổng tiền lãi đã thu là: 164.020.000đ (*một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*), tổng tiền thu lợi bất chính là: **146.045.000đ** (*một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn đồng*).

Đối với Bị cáo Nguyễn Việt B: Ngày 29/5/2018, Bắc được Nguyễn Văn T thuê đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, mua bán trao đổi ô tô, xe máy (Lấy tên quán là cầm đồ B), Nguyễn Văn T đầu tư tiền vốn để cho vay lãi nặng, Nguyễn Việt B trực tiếp thực hiện các hoạt động cho vay lãi, thu gốc, lãi, đồng thời tổng hợp lãi suất hàng ngày, hàng tháng, ghi chép thu chi, theo dõi mọi hoạt động của quầy “B”, hướng dẫn khách đến vay tiền viết giấy vay, trực tiếp đi thu lãi, gốc cho T, tiền lương hàng tháng B được T trả công là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019, với vai trò là người thực hành, Nguyễn Việt B đã cho 10 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là: 322.000.000đ (*ba trăm hai mươi hai triệu đồng*) với lãi suất từ 228,125%/ 1 năm, đến 365%/1 năm (gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Đã thu được tổng số tiền gốc là 228.000.000đ (*hai trăm hai mươi tám triệu đồng*), tổng số tiền lãi đã thu là: 179.300.000đ (*một trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **168.392.000đ** (*một trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Tổng tiền lương Nguyễn Việt B đã được nhận từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019 là 05 triệu/1 tháng x 12 tháng là 60.000.000đ và nhận thưởng tết là 3.000.000đ.

Đối với bị cáo Nông Đức N: Ngươi làm việc tại quầy “B” từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019. N được Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B giao cho việc trực tiếp đi thu tiền lãi của các khách vay trước đó và được B hướng dẫn các thủ tục cho khách vay tiền, vào sổ theo dõi thu chi, lập bảng thống kê khách vay tại quầy “B”. Từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019, N được T trả lương mức 3.000.000đ/1 tháng. Đến tháng 7/2019 thì Nguyễn Việt B nghỉ việc, N tiếp tục công việc cho vay lãi nặng tại quầy cầm đồ “B” cùng T và được T trả lương mức 5.000.000đ/1 tháng.

Từ khi tham gia hoạt động cho vay lãi nặng đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện, Nông Đức N đã giúp sức cho T, B, cho 11 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là: 189.500.000đ (*một trăm tám mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng*) với lãi suất từ 228,125%/1 năm đến 365%/1 năm (gấp trên 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Tổng số tiền gốc đã thu là 151.500.000đ (*một trăm năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng*). Giúp thu về tổng số tiền lãi là: 142.450.000đ (*một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **134.645.000đ** (*một trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm bốn mươi năm nghìn đồng*). Tổng tiền lương của N đã được nhận từ tháng 01/2019 đến tháng 11/2019 là 37.000.000đ và nhận thưởng tết là 2.000.000đ.

Đối với bị cáo Tạ Văn N2: N2 bắt đầu làm thuê cho quầy “A” từ tháng 3/2018, ban đầu được Bàn Xuân E giao nhiệm vụ cho thuê xe máy, xe đạp điện, đồng thời tiếp cận việc cho vay lãi nặng. Từ tháng 6/2018, Bàn Xuân E giao

nhiệm vụ cho N2 là trông quầy cầm đồ, hướng dẫn khách viết giấy vay tiền, trực tiếp đi thu lãi, gốc các khoản vay mới và trước đó. Nhập sổ theo dõi, bảng kê hàng ngày vào USB để theo dõi việc cho vay của quầy, hàng tháng N2 được E, T trả tiền lương với mức từ 4.000.000đ đến 4.500.000đ/1 tháng.

Từ khi tham gia hoạt động cho vay lãi nặng đến thời điểm bị Cơ quan Công an phát hiện, Tạ Văn N2 đã giúp sức cho Bàn Xuân E, Nguyễn Văn T cho 24 người vay tiền trên địa bàn thành phố Bắc Kạn với lãi suất 182,5%/1 năm, với tổng số tiền cho vay là 658.000.000đ (*sáu trăm năm mươi tám triệu đồng*), tổng số tiền gốc đã thu là 395.480.000đ (*ba trăm chín mươi năm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), tổng tiền lãi đã thu được là: 164.020.000đ (*một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*), tổng tiền thu lợi bất chính là: **146.045.000đ** (*một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn đồng*). Tổng tiền lương Tạ Văn N2 đã được nhận từ tháng 3/2018 đến tháng 11/2019 là 84.000.000đ và nhận thưởng tết là 3.000.000đ.

Đối với bị cáo Tạ Nguyễn L: L vào làm việc tại quầy cầm đồ “A” từ tháng 9/2019, công việc chính của L tại quầy Cầm đồ là cho khách vay tiền bằng hình thức bốc bát họ, hướng dẫn khác vay, viết giấy vay tiền và trao tiền cho khách khi được sự đồng ý của Bàn Xuân E, đồng thời đi thu các khoản tiền gốc, lãi hàng ngày của các khách vay mới và khách vay trước đó. Sau khi thu tiền của các khách vay, L đưa lại cho Bàn Xuân E quản lý và đưa số liệu cho Tạ Văn N2 nhập vào bảng tổng hợp lưu trong USB để theo dõi. Tạ Nguyễn L được Nguyễn Văn T, Bàn Xuân E trả tiền lương là 2.000.000đ/1 tháng.

Từ khi tham gia hoạt động cho vay lãi nặng đến thời điểm bị Cơ quan Công an phát hiện, Tạ Nguyễn L đã giúp Bàn Xuân E, Nguyễn Văn T cho 18 người vay tiền với lãi suất 182,5%/1 năm, với tổng số tiền cho vay là 336.000.000đ (*ba trăm ba mươi sáu triệu đồng*), tổng tiền lãi đã thu là: 59.900.000đ (*năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*), tổng tiền thu lợi bất chính là: **53.337.000đ** (*năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Tổng tiền lương mà L đã được nhận là 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2 và Tạ Nguyễn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. *Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSTPBK ngày 28/12/2020 của VKSND thành phố Bắc Kạn truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; truy tố đối với bị cáo Tạ Nguyễn L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:*

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2, Tạ Nguyễn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

**\* Về trách nhiệm hình sự:**



+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 200.000.000đ đến 220.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Việt B: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35, Điều 54/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 60.000.000đ đến 80.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với bị cáo Nông Đức N: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35, Điều 54/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 60.000.000đ đến 80.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với bị cáo Tạ Văn N2: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35, Điều 54/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 60.000.000đ đến 80.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với bị cáo Tạ Nguyễn L: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 17; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

**\* Về các biện pháp tư pháp:**

Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 288 Bộ luật dân sự, đề nghị:

- Đối với các khoản tiền lãi 20% tại quầy “A” mà bị cáo T và E nhận được từ 24 người vay tiền tương ứng với số tiền 17.975.000đ là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, cần truy thu sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo T phải chịu 60%; E phải chịu 40% từ các giao dịch mà E, N2, L thực hiện. Do Bàn Xuân E đã được tách ra để xử lý trong vụ án sau nên đề nghị truy thu sau, cụ thể: Tịch thu bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 10.785.000đ;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan toàn bộ số tiền thu lợi bất chính ở quầy “A” (số tiền lãi suất cho vay vượt quá 20%/năm) tổng số tiền 146.045.000đ, cụ thể: Trả lại cho Ông Trần Văn C1 2.921.000đ, bà Nguyễn Thị B2 2.600.000đ, bà Nguyễn Thị T4 3.562.000đ, ông Nguyễn Gia N3 962.000đ, bà Nông Thị P1 1.229.000đ, ông Dương Minh N4 1.781.000đ, bà Nguyễn Thị V 5.414.000đ, bà Phạm Thị H4 3.918.000đ, ông Nguyễn Trọng B3 40.958.000đ, ông Phan Duy P2 3.312.000đ, ông Đinh Duy C2 2.547.000đ, bà Hà Thị T5 4.060.000đ, bà Hà Thị C3 3.295.000đ, ông Đặng Văn Đ 17.273.000đ, ông Hoàng Ngọc T6 8.655.000đ, bà Nguyễn Tuyết P3 1.247.000đ, ông Hoàng Văn Đ1 5.342.000đ, ông Nguyễn Văn H5 1.799.000đ, ông Nông Minh P4 7.123.000đ, bà Nguyễn Thị Tuyết V1 4.897.000đ, ông Nguyễn Văn K 3.775.000đ, bà Chu Hoài T7 2.956.000đ, bà Hà Thị P5 1.282.000đ, ông Hồ Văn T8 15.137.000đ.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 14.489.000đ (tương ứng với khoản tiền lãi 20% của 11 người vay tiền tại quầy “B”) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền 230.161.000đ tương ứng với khoản tiền lãi thu lợi bất chính (số tiền lãi suất cho vay vượt quá 20%/năm) cho 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay tiền tại quầy “B” cụ thể như sau: Trả lại cho: Ông Nguyễn Văn K1 8.507.000đ, ông Lèng Văn N5 3.875.000đ, ông Hoàng Đức T9 24.434.000đ, bà Triệu Thị K2 27.411.000đ, ông Nguyễn Văn S 47.075.000đ, bà Âu Thị B4 46.788.000đ, bà Vy Thị T10 23.253.000đ, ông Hoàng Văn H6 3.876.000đ, ông Dương Văn T11 36.435.000đ, bà Bàn Thị X 2.836.000đ, ông Hoàng Phúc N6 5.671.000đ.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại toàn bộ số tiền gốc 721.980.000đ mà những người vay ở quầy “A” và quầy “B” đã trả cho bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước (Nhưng được trừ đi số tiền 18.550.000đ thu giữ tại quầy “A”; số tiền 4.010.000đ thu giữ tại quầy “B” và 10.000.000đ do Nông Đức N tự nguyện giao nộp là tiền của Nguyễn Văn T dùng để duy trì hoạt động cho vay lãi nặng; ngoài ra còn được trừ đi 193.000.000đ là tổng số tiền lương, thưởng mà bị cáo T đã chi trả cho các bị cáo B, N, N2, L) nên Nguyễn Văn T còn phải nộp lại số tiền 496.420.000đ, để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 343.520.000đ, (khoản tiền gốc ở quầy “A” và quầy “B” mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo T) cụ thể: Tịch thu của: Ông Trần Văn C1 10.880.000đ, bà Nguyễn Thị B2 4.320.000đ, ông Nguyễn Gia N3 3.680.000đ, bà Nông Thị P1 6.480.000đ, bà Nguyễn Thị V 15.680.000đ, bà Phạm Thị H4 6.400.000đ, ông Nguyễn Trọng B3 20.000.000đ, ông Phan Duy P2 9.120.000đ, ông Đinh Duy C2 4.560.000đ, bà Hà Thị T5 13.760.000đ, bà Hà Thị C3 5.200.000đ, ông Đặng Văn Đ 15.000.000đ, ông Hoàng Ngọc T6 17.120.000đ, bà Nguyễn Tuyết P3 2.400.000đ, ông Hoàng Văn Đ1 10.000.000đ, ông Nguyễn Văn H5 3.920.000đ, bà Nguyễn Thị Tuyết V1 10.000.000đ, ông Nguyễn Văn K 7.040.000đ, bà Chu Hoài T7 2.720.000đ, bà Hà Thị P5 2.240.000đ, ông Hồ Văn T8 92.000.000đ, ông Nguyễn Văn K1 5.000.000đ, ông Lèng Văn N5 3.000.000đ, bà Triệu Thị K2 5.000.000đ, ông Nguyễn Văn S 30.000.000đ, bà Âu Thị B4 10.000.000đ, bà Vy Thị T10 13.000.000đ, bà Bàn Thị X 10.000.000đ, ông Hoàng Phúc N6 5.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu số tiền lương và tiền thưởng của các bị cáo đã nhận được từ bị cáo T để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể: Tịch thu của bị cáo Nguyễn Việt B 63.000.000đ; Nông Đức N 39.000.000đ nhưng được trừ 8.900.000đ tiền lương N được T chi trả mà N đã tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra nên N còn phải nộp 30.100.000đ; Tạ Văn N2 87.000.000đ; Tạ Nguyễn L 4.000.000đ.

**\*Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước đối với các đồ vật, tài sản là công cụ phương tiện phạm tội, bao gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel loại bàn phím bấm màu đen có viên đỏ, máy cũ đã qua sử dụng của Nông Đức N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, bên trong có gắn 01 sim của Tạ Văn N2.

+ 01 điện thoại di động Sam Sung Garaxy Note8 có gắn sim, máy đã qua sử dụng, màu đen của Nguyễn Văn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen bên trong gắn 01 thẻ sim của Tạ Nguyễn L.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có gắn sim, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Việt B.

+ 02 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xanh nhạt seri 61724 (nặng 100kg) và seri 1217300 (nặng 100kg), két cũ đã qua sử dụng.

+ 01 cây máy tính màu đỏ đen nhãn hiệu Smart đã qua sử dụng, còn niêm phong.

+ 01 cây máy tính màu trắng đen nhãn hiệu Fujitsu cũ đã qua sử dụng, còn niêm phong.

+ 01 cây máy tính nhãn hiệu FUJITSU D5280, còn niêm phong.

+ 01 (một) máy tính CASIO.

+ 01 màn hình máy tính nhãn hiệu ^OC.

+ 01 bàn phím nhãn hiệu GENIUS.

+ 01 (một) máy in nhãn hiệu Sam sung.

- Tịch thu tiêu hủy: 28 tờ đề can quảng cáo, trên mặt có in chữ “Hỗ trợ vay vốn không cần thế chấp, qua thẻ, đăng ký xe, chứng minh thư, hộ khẩu”.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền Việt Nam : 41.460.000đ (trong đó bao gồm 4.010.000đ thu, giữ trong két sắt tại quầy “B” là tiền dùng để hoạt động xoay vòng cho vay lãi; 18.900.000đ do Nông Đức N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra trong đó có: 10.000.000đ là tiền dùng để hoạt động cho vay lãi và 8.900.000đ là tiền lương của Nông Đức N được Nguyễn Văn T chi trả; 18.550.000đ thu, giữ trong két sắt tại quầy “A” là tiền để duy trì hoạt động cho vay lãi).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với:

+ 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng Gold, màn hình bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu xanh, đen, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong mỗi chiếc điện thoại đều gắn 01 thẻ sim của Nông Đức N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu đen bạc bên trong gắn 01 thẻ sim của Tạ Nguyễn L.

+ Tạm giữ số tiền 50.000.000đ theo biên lai thu ngày 28/10/2020 và ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Tạm giữ số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Việt B.

+ Tạm giữ số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nông Đức N.

+ Tạm giữ số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Tạ Văn N2.

+ Tạm giữ số tiền 3.000.000đ theo biên lai thu ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Tạ Nguyễn L.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với: 02 (hai) chiếc USB nhãn hiệu KINGSTON màu đỏ, dung lượng 8G tạm giữ trong quá trình điều tra, bên trong lưu giữ các bảng biểu tổng hợp những người vay tiền, số tiền vay, ngày vay, lãi suất thu được, ngày thu tiền lãi của các khách vay ở hai quầy “A” và “B” và các tài liệu, sổ sách, hợp đồng vay tiền, giấy vay tiền và một số tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng đã tạm giữ trong quá trình điều tra.

- Chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn để phục vụ cho việc giải quyết vụ án sau đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, trong máy gắn sim (máy cũ đã qua sử dụng) của Bàn Xuân E; 01 quyển sổ có bìa màu đen bên trong có 68 (sáu mươi tám) tờ giấy trong có 06 (sáu) tờ giấy có ghi chép các dòng chữ số và tên; số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

**\*Về án phí:** Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng, mong Hội đồng xét xử giảm án cho các bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B, Tạ Văn N2, Nông Đức N và Tạ Nguyễn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 11 năm 2019, Nguyễn Văn T với vai trò là người chủ mưu, đứng ra đầu tư vốn cho vay lãi nặng ở 02 cơ sở gồm quầy “A” thuộc Tổ F, phường P và quầy “B” thuộc Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Tại hai cơ sở nói trên, Nguyễn Văn T đã đầu tư vốn và chỉ đạo Bàn Xuân E, Nguyễn Việt B, Tạ Văn N2, Nông Đức N và Tạ Nguyễn L cho 35 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 1.065.500.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi năm triệu, năm trăm nghìn đồng) với lãi suất từ 182,5%/1 năm đến 365%/1 năm (cao gấp 9,125 lần đến 18,25 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Đã thu được của 35 người với tổng số tiền lãi là 408.670.000đ (bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính là **376.206.000đ** (ba trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm linh sáu nghìn đồng).

Bàn Xuân E có vai trò điều hành và trực tiếp thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, hưởng lợi theo tỷ lệ thỏa thuận là 40% tại quầy “A”. Đã trực tiếp điều hành, chỉ đạo Tạ Văn N2, Tạ Nguyễn L cho 24 người vay tiền với lãi suất 182,5%/1 năm, với tổng số tiền cho vay là 658.000.000đ (*sáu trăm năm mươi tám triệu đồng*), tổng tiền lãi đã thu là: 164.020.000đ (*một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: **146.045.000đ** (*một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn đồng*).

Nguyễn Việt B đã trực tiếp cho 10 người vay tiền ở quầy “B” với tổng số tiền cho vay là: 322.000.000đ (*ba trăm hai mươi hai triệu đồng*) với lãi suất từ 228,125%/1 năm, đến 365%/1 năm, thu được tổng số tiền lãi là: 179.300.000đ (*một trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: **168.392.000đ** (*một trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Tổng tiền lương Nguyễn Việt B đã được nhận từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019 là 05 triệu/1 tháng x 12 tháng là 60.000.000đ và nhận thưởng tết là 3.000.000đ.

Nông Đức N đã giúp sức cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B cho 11 người vay tiền ở quầy “B” với tổng số tiền cho vay là: 189.500.000đ (*một trăm tám mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng*) với lãi suất từ 228,125%/1 năm đến 365%/1 năm, giúp thu về tổng số tiền lãi là: 142.450.000đ (*một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: **134.645.000đ** (*một trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm bốn mươi năm nghìn đồng*). Tổng tiền lương của N đã được nhận từ tháng 01/2019 đến tháng 11/2019 là 37.000.000đ và nhận thưởng tết là 2.000.000đ.

Tạ Văn N2 đã giúp sức cho Nguyễn Văn T, Bàn Xuân E cho 24 người vay tiền tại quầy “A” với lãi suất 182,5%/1 năm với tổng số tiền cho vay là 658.000.000đ (*sáu trăm năm mươi tám triệu đồng*), tổng tiền lãi đã thu được là: 164.020.000đ (*một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: **146.045.000đ** (*một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn đồng*). Tổng tiền lương Tạ Văn N2 đã được nhận từ tháng 3/2018 đến tháng 11/2019 là 84.000.000đ và nhận thưởng tết là 3.000.000đ.

Tạ Nguyễn L đã giúp cho Nguyễn Văn T, Bàn Xuân E cho 18 người vay tiền tại quầy “A” với lãi suất 182,5%/1 năm, với tổng số tiền cho vay là 336.000.000đ (*ba trăm ba mươi sáu triệu đồng*), tổng tiền lãi đã thu là: 59.900.000đ (*năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: **53.337.000đ** (*năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Tổng tiền lương mà L đã được nhận là 4.000.000đ.

Đây là vụ án đồng phạm. Trong đó bị cáo T giữ vai trò tổ chức, là người cầm đầu, chỉ đạo và đầu tư toàn bộ vốn hoạt động trong đường dây cho vay lãi nặng ở cả hai địa điểm là quầy “A” và quầy “B”. Do vậy, bị cáo T phải chịu mức án cao nhất. Bị cáo Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2, Tạ Nguyễn L giữ vai trò đồng phạm thực hiện, giúp sức trong vụ án, nhận tiền công từ bị cáo T, tuy nhiên mức độ đồng phạm khác nhau. Bị cáo B, N, N2 trực tiếp và giúp sức cho các cá nhân vay tiền, thu lợi bất chính cao hơn (đều trên 100 triệu), giúp sức tích cực hơn. Bị cáo Tạ Nguyễn L giúp sức cho các cá nhân vay tiền thu lợi bất chính dưới mức 100 triệu nên cần có mức án thấp hơn.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2 đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Tạ Nguyễn L đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

*“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

*2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.*

Cáo trạng số 01/CT-VKSTPBK ngày 28/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng; hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*; bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền 50.000.000đ để thi hành án và có Bộ để được Nhà nước tặng thưởng Bằng vàng người có công với cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là *“Phạm tội 02 lần trở lên”* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2, Tạ Nguyễn L đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”*; *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*; bị cáo B, N, N2 đã tự nguyện nộp khoản tiền 5.000.000đ và L là 3.000.000đ để thi hành án được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nông Đức N và Tạ Văn N2 sau khi sự việc bị phát hiện, các bị cáo đã đến Công an thành phố Bắc Kạn xin đầu thú về toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Tạ Văn N2 và Tạ Nguyễn L có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo Tạ Văn N2: Ngày 21/11/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, phạt cải tạo không giam giữ mà chỉ cần phạt một khoản tiền tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Đối với các bị cáo Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2 cần giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

\*Về hình phạt bổ sung: Vì đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

\*Trong vụ án này còn có Vũ Xuân Đ, trong khoảng thời gian giữa năm 2018, Vũ Xuân Đ có được làm thuê tại quầy “A” nhưng công việc chính của Đ là trông xe máy, xe đạp điện và cho khách thuê xe theo giờ, Đ không được giao việc cho vay lãi, bản thân Vũ Xuân Đ không biết quầy “A” có hoạt động cho vay lãi nặng trái với quy định của pháp luật. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn không xem xét, xử lý đối với Vũ Xuân Đ là phù hợp.

Quá trình thu thập tài liệu, sổ sách thể hiện ngoài những người vay đã làm rõ nêu trên, bị cáo Nguyễn Văn T cùng đồng phạm còn cho nhiều người khác vay tiền. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa làm rõ được danh tính, địa chỉ của những người này, một số người không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa triệu tập ghi lời khai được. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách phần liên quan đến những khách vay chưa rõ để tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xem xét giải quyết sau.

Đối với bà Nguyễn Thị M và bà Hoàng Thị U là những người đã cho Nguyễn Văn T, Bàn Xuân E, Nguyễn Việt B thuê nhà để mở quầy “A” và quầy “B”. Do bà M và bà U không biết Nguyễn Văn T cùng đồng phạm thuê nhà để hoạt động cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà Nguyễn Thị M và bà Hoàng Thị U là đúng quy định.

Đối với Bàn Xuân E, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 11/11/2020, E đã vắng mặt, đại diện gia đình E có đơn trình bày lý do là hiện tại E có biểu hiện bệnh tâm thần và đề nghị được đưa E đi khám, chữa bệnh nên Tòa án đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung để xác định E có bị bệnh tâm thần hay không. Trong quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã ra Quyết định trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần trung ương giám định “*Hiện nay Bàn Xuân E có nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân hay không? Có bị bệnh tâm thần hay không? Có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự hay không?*” nhưng đến nay chưa có kết quả. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với Bàn Xuân E, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định tách vụ án hình sự để xử lý sau theo quy định là phù hợp.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 35 khách đến vay tiền yêu cầu được nhận lại số tiền lãi mà các bị cáo đã thu lợi bất chính.

Về số tiền lãi đã nộp và số tiền vay gốc còn lại chưa trả đối với từng người vay như sau:

**1. Trần Văn C1**

Tổng tiền vay: 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 13.120.000đ (mười ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 3.280.000đ (ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 10.880.000đ (mười triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 2.921.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng).

**2. Nguyễn Thị B2**

Tổng tiền vay: 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 11.680.000đ (mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 2.920.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 4.320.000đ (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

**3. Nguyễn Thị T4**

Tổng tiền vay: 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng)

Tổng lãi đã trả là: 4.000.000đ (bốn triệu đồng)

Tổng gốc chưa trả: 0đ

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 3.562.000đ (ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

**4. Nguyễn Gia N3**

Tổng tiền vay: 8000.000đ (tám triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 4.320.000 đ (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 1.080.000đ (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 3.680.000đ (ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 962.000đ (chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

**5. Nông Thị P1**

Tổng tiền vay: 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), lãi suất 182,5%/ năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 5.520.000.000đ (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 1.380.000đ (một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 6.480.000đ (sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 1.229.000đ (một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).

**6. Dương Minh N4**

Tổng tiền vay: 8.000.000đ (tám triệu đồng), lãi suất 182,5%/ năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Tổng lãi đã trả là: 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Tổng gốc chưa trả: 0đ



Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 1.781.000đ (một triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

**7. Nguyễn Thị V**

Tổng tiền vay: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 24.320.000đ (hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 6.080.000đ (sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 15.680.000đ (mười năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 5.414.000đ (năm triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng).

**8. Phạm Thị H4**

Tổng tiền vay: 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng), lãi suất 182,5%/ năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 17.600.000đ (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 4.400.000đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 3.918.000đ (ba triệu chín trăm mười tám nghìn đồng).

**9. Nguyễn Trọng B3**

Tổng tiền vay: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất 182,5%/ năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 0đ

Tổng lãi đã trả là: 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng).

Tổng gốc chưa trả: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 40.958.000đ (bốn mươi triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng).

**10. Phan Duy P2**

Tổng tiền vay: 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng), lãi suất 182,5%/ năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 14.880.000đ (mười bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 3.720.000đ (ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 3.312.000đ (ba triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

**11. Đinh Duy C2**

Tổng tiền vay: 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 11.440.000đ (mười một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 2.860.000đ (hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 4.560.000đ (bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 2.547.000đ (hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

**12. Hà Thị T5**

Tiền cho vay: 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), lãi suất 182,5%/ năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 18.240.000đ (mười tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 4.560.000đ (bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc chưa trả: 13.760.000đ (mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 4.060.000đ (bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

**13. Hà Thị C3.**

Tổng tiền vay: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 14.800.000đ.

Tổng lãi đã trả là: 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 3.295.000đ (ba triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng).

**14. Đặng Văn Đ.**

Tổng tiền vay: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tổng lãi đã trả là: 19.400.000đ (mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 15.000.000đ (mười năm triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 17.273.000đ (mười bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

**15. Hoàng Ngọc T6.**

Tiền cho vay: 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng), lãi suất 182,5%/ năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 38.880.000đ (ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 9.720.000đ (chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Gốc chưa trả: 17.120.000đ (mười bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 8.655.000đ (tám triệu sáu trăm năm mươi năm nghìn đồng).

**16. Nguyễn Tuyết P3.**

Tổng tiền vay: 8.000.000đ (tám triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 1.247.000đ (một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

**17. Hoàng Văn Đ1.**

Tổng tiền vay: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tổng lãi đã trả là: 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Tổng gốc chưa trả là: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 5.342.000đ (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

**18. Nguyễn Văn H5.**

Tổng tiền vay: 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 8.080.000đ (tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 2.020.000đ (hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 3.920.000đ (ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 1.799.000đ (một triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng).

**19. Nông Minh P4.**

Tổng tiền vay: 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Tổng lãi đã trả là: 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Tổng gốc chưa trả: 0

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 7.123.000đ (bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng).

**20. Nguyễn Thị Tuyết V1**

Tổng tiền vay: 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng).

Tổng lãi đã trả là: 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 4.897.000đ (bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

**21. Nguyễn Văn K**

Tổng tiền vay: 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 16.960.000đ (mười sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 4.240.000đ (bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 7.040.000đ (bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 3.775.000đ (ba triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

**22. Chu Hoài T7**

Tổng tiền vay: 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 13.280.000đ (mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 3.320.000.000đ (ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 2.720.000đ (hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 2.956.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

**23. Hà Thị P5**

Tổng tiền vay: 8.000.000đ (tám triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 5.760.000đ (năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng lãi đã trả là: 1.440.000đ (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 2.240.000đ (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 1.282.000đ (một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng).

**24. Hồ Văn T8**

Tổng tiền vay: 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền gốc đã trả là: 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng).

Tổng lãi đã trả là: 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

Tổng gốc chưa trả: 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng).

Tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 15.137.000đ (mười năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

**25. Nguyễn Văn K1**

Tổng tiền vay: 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng gốc chưa trả: 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tổng tiền lãi đã trả: 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 8.507.000đ (tám triệu năm trăm linh bảy nghìn đồng).

**26. Lèng Văn N5**

Tổng tiền vay: 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng).

Tổng gốc chưa trả: 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Tổng tiền lãi đã trả: 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 3.875.000đ (ba triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

**27. Hoàng Đức T9**

Tổng tiền vay: 87.000.000đ (tám mươi bảy triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 87.000.000đ (tám mươi bảy triệu đồng).

Tổng gốc chưa trả: 0đ.

Tổng tiền lãi đã trả: 25.850.000đ (hai mươi năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 24.434.000đ (hai mươi tư triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

**28. Triệu Thị K2**

Tổng tiền vay: 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng), lãi suất 182,5%/-365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Tổng tiền gốc chưa trả: 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tổng tiền lãi đã trả: 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 27.411.000đ (hai mươi bảy triệu bốn trăm mười một nghìn đồng).

**29. Nguyễn Văn S**

Tổng tiền vay: 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 85.000.000đ (tám mươi năm triệu đồng).

Tổng tiền gốc chưa trả: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Tổng tiền lãi đã trả: 50.500.000đ (năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 47.075.000đ (bốn mươi bảy triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

**30. Âu Thị B4**

Tổng tiền vay: 15.000.000đ (mười năm triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tổng tiền gốc chưa trả: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tổng tiền lãi đã trả: 49.500.000đ (bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 46.788.000đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

**31. Vi Thị T10**

Tổng tiền vay: 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 0đ.

Tổng tiền gốc chưa trả: 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Tổng tiền lãi đã trả: 24.600.000đ (hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 23.253.000đ (hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

**32. Hoàng Văn H6**

Tổng tiền vay: 7.000.000đ (bảy triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 7000.000đ (bảy triệu đồng).

Tổng tiền gốc chưa trả: 0đ.

Tổng tiền lãi đã trả: 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 3.876.000đ (ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

**33. Dương Văn T11**

Tổng tiền vay: 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng).

Tổng tiền gốc chưa trả: 0đ.

Tổng tiền lãi đã trả: 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 36.435.000đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi năm nghìn đồng).

**34. Bàn Thị X**

Tổng tiền vay: 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 0đ.

Tổng tiền gốc chưa trả: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tổng tiền lãi đã trả: 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 2.836.000đ (hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

**35. Hoàng Phúc N6**

Tổng tiền vay: 9.000.000đ (chín triệu đồng), lãi suất 182,5%/năm, đến 365%/năm.

Tổng tiền gốc đã trả: 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Tổng gốc chưa trả: 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tổng tiền lãi đã trả: 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Tổng tiền lãi vượt quá 20% quy định của pháp luật là: 5.671.000đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

\*Đối với số tiền gốc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo Nguyễn Văn T tổng là 721.980.000đ, Trong đó: bị cáo đã trả lương, thưởng cho các bị cáo khác là 193.000.000đ (một trăm chín mươi ba triệu đồng); thu, giữ trong két sắt tại quầy “B” số tiền 4.010.000đ (bốn triệu không trăm mười nghìn đồng); thu, giữ trong két sắt tại quầy “A” số tiền 18.550.000đ (mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); Bị cáo Nông Đức N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) là tiền gốc dùng để hoạt động cho vay lãi, còn lại 496.420.000đ là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần truy thu đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

\*Đối với số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự với tổng là 32.464.000đ (trong đó: quầy “A” là 17.975.000đ, quầy “B” là 14.489.000đ) tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước; Cụ thể: Nguyễn Văn T phải nộp 60% của quầy “A” là 10.785.000đ và 14.489.000đ của quầy “B”; Bàn Xuân E phải nộp 40% của quầy “A” là 7.190.000đ. Tuy nhiên, hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã ra Quyết định trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần trung ương giám định tâm thần đối với Bàn Xuân E, nhưng đến nay chưa có kết quả. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với Bàn Xuân E, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định tách vụ án hình sự để xử lý sau theo quy định. Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền tại quầy “A” đều yêu cầu bị cáo T phải bồi thường toàn bộ và bị cáo T cũng nhất trí bồi thường theo yêu cầu, nên cần buộc bị cáo T có trách nhiệm liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả lại cho những người vay tiền tại quầy “A”. Còn phần nghĩa vụ liên đới của E sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi T có đơn yêu cầu, cụ thể:

\*Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền thu lợi bất chính của người vay (bị cáo T thu lợi 60% của quầy “A” và toàn bộ quầy “B”, E thu lợi 40% của quầy “A”) nên cần buộc bị cáo T và E cùng liên đới có trách nhiệm trả lại theo kỷ phần đã thu lợi bất chính cho người vay tiền tại quầy “A”. Tuy nhiên, hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã ra Quyết định trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần trung ương giám định tâm thần đối với Bàn Xuân E, nhưng đến nay chưa có kết quả. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với Bàn Xuân E, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định tách vụ án hình sự để xử lý sau theo quy định. Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền tại quầy “A” đều yêu cầu bị cáo T phải bồi thường toàn bộ và bị cáo T cũng nhất trí bồi thường theo yêu cầu, nên cần buộc bị cáo T có trách nhiệm liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả lại cho những người vay tiền tại quầy “A”. Còn phần nghĩa vụ liên đới của E sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi T có đơn yêu cầu, cụ thể:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại cho ông Trần Văn C1 số tiền là 2.921.000đ; trả lại cho bà Nguyễn Thị B2 số tiền là 2.600.000đ; trả lại cho bà Nguyễn Thị T4 số tiền là 3.562.000đ; trả lại cho ông Nguyễn Gia N3 số tiền là

962.000đ; trả lại cho bà Nông Thị P1 số tiền là 1.229.000đ; trả lại cho ông Dương Minh N4 số tiền là 1.781.000đ; trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền là 5.414.000đ; trả lại cho bà Phạm Thị H4 số tiền là 3.918.000đ; trả lại cho ông Nguyễn Trọng B3 số tiền là 40.958.000đ; trả lại cho ông Phan Duy P2 số tiền là 3.312.000đ; trả lại cho ông Đinh Duy C2 số tiền là 2.547.000đ; trả lại cho bà Hà Thị T5 số tiền là 4.060.000đ; trả lại cho bà Hà Thị C3 số tiền là 3.295.000đ; trả lại cho ông Đặng Văn Đ số tiền là 17.273.000đ; trả lại cho ông Hoàng Ngọc T6 số tiền là 8.655.000đ; trả lại cho bà Nguyễn Tuyết P3 số tiền là 1.247.000đ; trả lại cho ông Hoàng Văn Đ1 số tiền là 5.342.000đ; trả lại cho ông Nguyễn Văn H5 số tiền là 1.799.000đ; trả lại cho ông Nông Minh P4 số tiền là 7.123.000đ; trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết V1 số tiền là 4.897.000đ; trả lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền là 3.775.000đ; trả lại cho bà Chu Hoài T7 số tiền là 2.956.000đ; trả lại cho bà Hà Thị P5 số tiền là 1.282.000đ; trả lại cho ông Hồ Văn T8 số tiền là 15.137.000đ.

Buộc bị cáo T có trách nhiệm trả lại cho những người vay tiền tại quầy “B”, cụ thể:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại cho ông Nguyễn Văn K1 số tiền là 8.507.000đ; trả lại cho ông Lèng Văn N5 số tiền là 3.875.000đ; trả lại cho ông Hoàng Đức T9 số tiền là 24.434.000đ; trả lại cho bà Triệu Thị K2 số tiền là 27.411.000đ; trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền là 47.075.000đ; trả lại cho bà Âu Thị B4 số tiền là 46.788.000đ; trả lại cho bà Vy Thị T10 số tiền là 23.253.000đ; trả lại cho ông Hoàng Văn H6 số tiền là 3.876.000đ; trả lại cho ông Dương Văn T11 số tiền là 36.435.000đ; trả lại cho bà Bàn Thị X số tiền là 2.836.000đ; trả lại cho ông Hoàng Phúc N6 số tiền là 5.671.000đ.

\*Đối với khoản tiền gốc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Nguyễn Văn T hiện chưa trả hết nợ gốc cho bị cáo. Xác định đây là giao dịch dân sự vô hiệu và số tiền nợ gốc chưa trả là tiền bị cáo T đã dùng vào việc phạm tội, nên cần truy thu đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của ông Trần Văn C1 số tiền là 10.880.000đ; truy thu của bà Nguyễn Thị B2 số tiền là 4.320.000đ; truy thu của ông Nguyễn Gia N3 số tiền là 3.680.000đ; truy thu của bà Nông Thị P1 số tiền là 6.480.000đ; truy thu của bà Nguyễn Thị V số tiền là 15.680.000đ; truy thu của bà Phạm Thị H4 số tiền là 6.400.000đ; truy thu của ông Nguyễn Trọng B3 số tiền là 20.000.000đ; truy thu của ông Phan Duy P2 số tiền là 9.120.000đ; truy thu của ông Đinh Duy C2 số tiền là 4.560.000đ; truy thu của bà Hà Thị T5 số tiền là 13.760.000đ; truy thu của bà Hà Thị C3 số tiền là 5.200.000đ; truy thu của ông Đặng Văn Đ số tiền là 15.000.000đ; truy thu của ông Hoàng Ngọc T6 số tiền là 17.120.000đ; truy thu của bà Nguyễn Tuyết P3 số tiền là 2.400.000đ; truy thu của ông Hoàng Văn Đ1 số tiền là 10.000.000đ; truy thu của ông Nguyễn Văn H5 số tiền là 3.920.000đ; truy thu của bà Nguyễn Thị Tuyết V1 số tiền là 10.000.000đ; truy thu của ông Nguyễn Văn K số tiền là 7.040.000đ; truy thu của bà Chu Hoài T7 số tiền là 2.720.000đ; truy thu của bà Hà Thị P5 số tiền là 2.240.000đ; truy thu của ông Hồ Văn T8 số tiền là 92.000.000đ; truy thu của ông Nguyễn Văn K1 số tiền là 5.000.000đ; truy thu của

ông Lềng Văn N5 số tiền là 3.000.000đ; truy thu của bà Triệu Thị K2 số tiền là 5.000.000đ; truy thu của ông Nguyễn Văn S số tiền là 30.000.000đ; truy thu của bà Âu Thị B4 số tiền là 10.000.000đ; truy thu của bà Vy Thị T10 số tiền là 13.000.000đ; truy thu của bà Bàn Thị X số tiền là 10.000.000đ; truy thu của ông Hoàng Phúc N6 số tiền là 5.000.000đ.

\*Đối với số tiền lương, thưởng mà bị cáo T đã trả cho các bị cáo Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2 và Tạ Nguyễn L, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước; Cụ thể: B phải nộp là 63.000.000đ; N phải nộp là 39.000.000đ nhưng được trừ 8.900.000 đ tiền lương N được T chi trả mà N đã tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra nên N còn phải nộp 30.100.000 đ; N2 phải nộp là 87.000.000đ; L phải nộp là 4.000.000đ.

[7] Về vật chứng trong vụ án:

- Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã trả lại một số tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp. Cụ thể các đồ vật, tài liệu đã trả gồm:

- + 01 (một) sổ hộ khẩu số có tên Triệu Thị K2 (chủ hộ là Bàn Văn I).
- + 01 (một) sổ bảo hiểm xã hội tên Hồ Văn T8.
- + 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Vy Thị T10.
- + 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Âu Thị B4.
- + 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Hoàng Phúc N6.
- + 03 (ba) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Bàn Thị X.
- + 01 máy tính laptop màu đen nhãn hiệu ASUS, máy không có pin và bộ sạc máy tính của Nguyễn Thị Ngọc H1, không liên quan đến việc cho vay lãi nặng.
- + 03 (ba) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Tạ Nguyễn L.
- + 03 (ba) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của Nguyễn Văn T (gồm 02 giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn T, 01 giấy chứng nhận mang tên Triệu Hữu A nhưng T đã mua lại) và 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Agribank của Nguyễn Văn T.

Việc Cơ quan điều tra trả lại các đồ vật, tài liệu trên là có căn cứ và đúng pháp luật, không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

- Những đồ vật, tài liệu đã thu giữ, tạm giữ lưu vào trong hồ sơ vụ án gồm:

+ 02 (hai) chiếc USB nhãn hiệu KINGSTON màu đỏ, dung lượng 8G tạm giữ trong quá trình điều tra, bên trong lưu giữ các bảng biểu tổng hợp những người vay tiền, số tiền vay, ngày vay, lãi suất thu được, ngày thu tiền lãi của các khách vay ở hai quầy “A” và “B”.

+ Các tài liệu, sổ sách, hợp đồng vay tiền, giấy vay tiền và một số tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng đã tạm giữ trong quá trình điều tra.

Những vật chứng nêu trên là chứng cứ của vụ án nên cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với các vật chứng khác:

+ 03 điện thoại di động của Nông Đức N, gồm: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng Gold, màn hình bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel loại bàn phím bấm màu đen có viền đỏ, máy cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu xanh, đen, máy cũ đã qua sử dụng.



dụng; mỗi chiếc điện thoại đều gắn 01 thẻ sim. Trong đó bị cáo dùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen vào việc phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước; còn 02 chiếc điện thoại còn lại không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để thi hành án cho bị cáo.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, bên trong có gắn 01 sim của Tạ Văn N2 và N2 đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

+ 01 điện thoại di động Sam Sung Garaxy Note8 có gắn sim, máy đã qua sử dụng, màu đen của Nguyễn Văn T và T đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu đen bạc bên trong mỗi chiếc điện thoại đều gắn 01 thẻ sim của Tạ Nguyễn L. Trong đó bị cáo dùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen vào việc phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước; còn chiếc điện thoại còn lại không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để thi hành án cho bị cáo.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có gắn sim, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Việt B và B đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với: 02 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xanh nhạt seri 61724 (nặng 100kg) và seri 1217300 (nặng 100kg), két cũ đã qua sử dụng; 01 cây máy tính màu đỏ đen nhãn hiệu Smart đã qua sử dụng; 01 cây máy tính màu trắng đen nhãn hiệu Fujitsu cũ đã qua sử dụng; 01 cây máy tính nhãn hiệu FUJITSU D5280; 01 (một) máy tính CASIO; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu ^OC; 01 bàn phím nhãn hiệu GENIUS; 01 (một) máy in nhãn hiệu Sam sung. Tất cả các vật chứng trên đều phục vụ cho việc phạm tội, cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với: 28 tờ đề can quảng cáo, trên mặt có in chữ “Hỗ trợ vay vốn không cần thế chấp, qua thẻ, đăng ký xe, chứng minh thư, hộ khẩu”. Tất cả đều không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền: **4.010.000đ** (*bốn triệu không trăm mười nghìn đồng*) thu, giữ trong két sắt tại quầy “B” là tiền dùng để hoạt động cho vay lãi nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Số tiền: **18.900.000đ** (*mười tám triệu chín trăm nghìn đồng*) do Nông Đức N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, trong đó có: **10.000.000đ** (*mười triệu đồng*) là tiền dùng để hoạt động cho vay lãi; còn **8.900.000đ** (*tám triệu chín trăm nghìn đồng*) là tiền lương của Nông Đức N được Nguyễn Văn T chi trả, vì vậy cần tịch thu toàn bộ số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước.

+ Số tiền **18.550.000đ** (*mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) thu, giữ trong két sắt tại quầy “A” là tiền dùng để hoạt động cho vay lãi cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, trong máy gắn sim, máy cũ đã qua sử dụng của Bàn Xuân E; 01 (một) quyển sổ có bìa màu đen, bên trong có 68 tờ giấy trong đó có 06 tờ giấy có ghi chép các dòng chữ số và tên ; số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do bà Ngô Thị R (mẹ đẻ Bàn Xuân E) tự nguyện nộp ngày 30/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn,

sẽ chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn để phục vụ cho việc giải quyết vụ án sau.

+ Số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) do bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện nộp ngày 28/10/2020 và 05/11/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để thi hành án cho Nguyễn Văn T.

+ Số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do bị cáo Nguyễn Việt B tự nguyện nộp ngày 28/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho Nguyễn Văn B.

+ Số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do bị cáo Nông Đức N tự nguyện nộp ngày 28/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho Nông Đức N.

+ Số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do bị cáo Tạ Văn N2 tự nguyện nộp ngày 30/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho Tạ Văn N2.

- Số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) do bị cáo Tạ Nguyễn L tự nguyện nộp ngày 30/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho Tạ Nguyễn L.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Vì đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2, Tạ Nguyễn L phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

\*Áp dụng: khoản 2 Điều 201; Điều 17; khoản 1 Điều 35; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

\*Áp dụng: khoản 2 Điều 201; Điều 17; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo và Nguyễn Việt B.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Việt B 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

\*Áp dụng: khoản 2 Điều 201; Điều 17; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Đức N và Tạ Văn N2.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nông Đức N 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Tạ Văn N2 75.000.000đ (*bảy mươi năm triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

\*Áp dụng: khoản 1 Điều 201; Điều 17; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tạ Nguyễn L.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Tạ Nguyễn L 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

**II. Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 288 Bộ luật dân sự:

1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc cho vay lãi nặng là: 496.420.000đ (bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải liên đới nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.785.000đ (mười triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng) tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự (của 24 người vay tại cơ sở cầm đồ “A” ).

3. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.489.000đ (mười bốn triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự (của 11 người vay tại cơ sở cầm đồ “B” ).

4. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả lại khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm 24 người vay tại cơ sở cầm đồ “A”) với tổng số tiền là 146.045.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng), cụ thể:

*Bị cáo Nguyễn Văn T phải trả như sau:*

Trả lại cho ông Trần Văn C1 số tiền là 2.921.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng); Trả lại cho bà Nguyễn Thị B2 số tiền là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng); Trả lại cho bà Nguyễn Thị T4 số tiền là 3.562.000đ (ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng); Trả lại cho ông Nguyễn Gia N3 số tiền là 962.000đ (chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng); Trả lại cho bà Nông Thị P1 số tiền là 1.229.000đ (một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng); Trả lại cho ông Dương Minh N4 số tiền là 1.781.000đ (một triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng); Trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền là 5.414.000đ (năm triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng); Trả lại cho bà Phạm Thị H4 số tiền là 3.918.000đ (ba triệu chín trăm mười tám nghìn đồng); Trả lại cho ông Nguyễn Trọng B3 số tiền là 40.958.000đ (bốn mươi triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng); Trả lại cho ông Phan Duy P2 số tiền là 3.312.000đ (ba triệu ba trăm mười hai nghìn đồng); Trả lại cho ông Đinh Duy C2 số tiền là 2.547.000đ (hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng); Trả lại cho bà Hà Thị T5 số tiền là 4.060.000đ (bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng); Trả lại cho bà Hà Thị C3 số tiền là 3.295.000đ (ba

triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng); Trả lại cho ông Đặng Văn Đ số tiền là 17.273.000đ (mười bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng); Trả lại cho ông Hoàng Ngọc T6 số tiền là 8.655.000đ (tám triệu sáu trăm năm mươi năm nghìn đồng); Trả lại cho bà Nguyễn Tuyết P3 số tiền là 1.247.000đ (một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng); Trả lại cho ông Hoàng Văn Đ1 số tiền là 5.342.000đ (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng); Trả lại cho ông Nguyễn Văn H5 số tiền là 1.799.000đ (một triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng); Trả lại cho ông Nông Minh P4 số tiền là 7.123.000đ (bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng); Trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết V1 số tiền là 4.897.000đ (bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng); Trả lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền là 3.775.000đ (ba triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng); Trả lại cho bà Chu Hoài T7 số tiền là 2.956.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng); Trả lại cho bà Hà Thị P3 số tiền là 1.282.000đ (một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng); Trả lại cho ông Hồ Văn T8 số tiền là 15.137.000đ (mười năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

5. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (gồm 11 người vay tại cơ sở cầm đồ “B”) tổng số tiền là 230.161.000đ (hai trăm ba mươi triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng), cụ thể:

Trả lại cho ông Nguyễn Văn K1 số tiền là 8.507.000đ (tám triệu năm trăm linh bảy nghìn đồng); Trả lại cho ông Lèng Văn N5 số tiền là 3.875.000đ (ba triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn đồng); Trả lại cho ông Hoàng Đức T9 số tiền là 24.434.000đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng); Trả lại cho bà Triệu Thị K2 số tiền là 27.411.000đ (hai mươi bảy triệu bốn trăm mười một nghìn đồng); Trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền là 47.075.000đ (bốn mươi bảy triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng); Trả lại cho bà Âu Thị B4 số tiền là 46.788.000đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng); Trả lại cho bà Vy Thị T10 số tiền là 23.253.000đ (hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng); Trả lại cho ông Hoàng Văn H6 số tiền là 3.876.000đ (ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); Trả lại cho ông Dương Văn T11 số tiền là 36.435.000đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi năm nghìn đồng); Trả lại cho bà Bàn Thị X số tiền là 2.836.000đ (hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng); Trả lại cho ông Hoàng Phúc N6 số tiền là 5.671.000đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự. Lãi suất phát sinh chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ số tiền gốc của bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền còn nợ vào Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 343.520.000đ (ba trăm bốn mươi ba triệu năm trăm hai

mười nghìn đồng), cụ thể:

Ông Trần Văn C1 phải nộp số tiền là 10.880.000đ (mười triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng); Bà Nguyễn Thị B2 phải nộp số tiền là 4.320.000đ (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng); Ông Nguyễn Gia N3 phải nộp số tiền là 3.680.000đ (ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); Bà Nông Thị P1 phải nộp số tiền là 6.480.600đ (sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng); Bà Nguyễn Thị V phải nộp số tiền là 15.680.000đ (mười năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); Bà Phạm Thị H4 phải nộp số tiền là 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng); Ông Nguyễn Trọng B3 phải nộp số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); Ông Phan Duy P2 phải nộp số tiền là 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng); Ông Đinh Duy C2 phải nộp số tiền là 4.560.000đ (bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng); Bà Hà Thị T5 phải nộp số tiền là 13.760.000đ (mười ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng); Bà Hà Thị C3 phải nộp số tiền là 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng); Ông Đặng Văn Đ phải nộp số tiền là 15.000.000đ (mười năm triệu đồng); Ông Hoàng Ngọc T6 phải nộp số tiền là 17.120.000đ (mười bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng); Bà Nguyễn Tuyết P3 phải nộp số tiền là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng); Ông Hoàng Văn Đ1 phải nộp số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng); Ông Nguyễn Văn H5 phải nộp số tiền là 3.920.000đ (ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng); Bà Nguyễn Thị Tuyết V1 phải nộp số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng); Ông Nguyễn Văn K phải nộp số tiền là 7.040.000đ (bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng); Bà Chu Hoài T7 phải nộp số tiền là 2.720.000đ (hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng); Bà Hà Thị P3 phải nộp số tiền là 2.240.000đ (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng); Ông Hồ Văn T8 phải nộp số tiền là 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng); Ông Nguyễn Văn K1 phải nộp số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng); Ông Lèng Văn N5 phải nộp số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng); Bà Triệu Thị K2 phải nộp số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Ông Nguyễn Văn S phải nộp số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); Bà Âu Thị B4 phải nộp số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng); Bà Vy Thị T10 phải nộp số tiền là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng); Bà Bàn Thị X phải nộp số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng); Ông Hoàng Phúc N6 phải nộp số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

7. Buộc các bị cáo Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2 và Tạ Nguyễn L phải nộp lại khoản tiền lương, thưởng đã nhận từ bị cáo Nguyễn Văn T để sung ngân sách Nhà nước tổng số tiền 184.100.000đ (một trăm tám mươi tư triệu một trăm đồng), cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Việt B phải nộp số tiền là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng); Bị cáo Nông Đức N phải nộp số tiền là 30.100.000đ (ba mươi triệu một trăm nghìn đồng); Bị cáo Tạ Văn N2 phải nộp số tiền là 87.000.000đ (tám mươi bảy triệu đồng); Bị cáo Tạ Nguyễn L phải nộp số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

**III. Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 02 (hai) chiếc USB nhãn hiệu KINGSTON màu đỏ, dung lượng 8G tạm giữ trong quá trình điều tra, bên trong lưu giữ các bảng biểu tổng hợp những người vay tiền, số tiền vay, ngày vay, lãi suất thu được, ngày thu tiền lãi của các khách vay ở hai quầy “A” và “B”; các tài liệu, sổ sách, hợp đồng vay tiền, giấy vay tiền và một số tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng đã tạm giữ trong quá trình điều tra. Hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án, những vật chứng này là chứng cứ của vụ án nên cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 05 (năm) điện thoại di động, tất cả đều đã qua sử dụng, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel loại bàn phím bấm màu đen có viền đỏ, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong có gắn 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, bên trong có gắn 01 sim; 01 điện thoại di động Sam Sung Garaxy Note8 màu đen, có gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, có gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có gắn sim.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 02 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xanh nhạt seri 61724 (nặng 100kg) và seri 1217300 (nặng 100kg); 01 cây máy tính màu đỏ đen nhãn hiệu Smart; 01 cây máy tính màu trắng đen nhãn hiệu Fujitsu; 01 cây máy tính nhãn hiệu FUJITSU D5280; 01 (một) máy tính CASIO; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu ^OC; 01 bàn phím nhãn hiệu GENIUS; 01 (một) máy in nhãn hiệu Sam sung (tất cả đều đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy: 28 tờ đề can quảng cáo, trên mặt có in chữ “Hỗ trợ vay vốn không cần thế chấp, qua thẻ, đăng ký xe, chứng minh thư, hộ khẩu”.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: số tiền **4.010.000đ** (bốn triệu không trăm mười nghìn đồng) thu, giữ trong két sắt tại quầy “B” ; Số tiền **10.000.000đ** (mười triệu đồng) do Nông Đức N tự nguyện giao nộp và **18.550.000đ** (mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) thu, giữ trong két sắt tại quầy “A” .

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: **8.900.000đ** (tám triệu chín trăm nghìn đồng) là tiền lương của Nông Đức N được Nguyễn Văn T trả do Nông Đức N tự nguyện giao nộp.

- Trả lại cho bị cáo Nông Đức N 02 (hai) điện thoại di động đã qua sử dụng, gồm: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng Gold, màn hình bị nứt vỡ, có gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu xanh, đen, có gắn sim, nhưng tạm giữ để thi hành án cho bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Tạ Nguyễn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu đen bạc, có gắn sim, nhưng tạm giữ để thi hành án cho bị cáo.

- Chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn để phục vụ cho việc giải quyết vụ án sau đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, trong máy gắn sim, máy cũ đã qua sử dụng; 01 quyển sổ có bìa màu đen bên trong có 68 (sáu mươi tám) tờ giấy trong có 06 (sáu) tờ giấy có ghi chép các dòng chữ số và tên.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/9/2020 và ngày 01/10/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn).

- Chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn để phục vụ cho việc giải quyết vụ án sau đối với: số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do bà Ngô Thị R (mẹ đẻ Bàn Xuân E) tự nguyện nộp ngày 30/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

- Số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) do bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện nộp ngày 28/10/2020 và 05/11/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để thi hành án cho Nguyễn Văn T.

- Số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do bị cáo Nguyễn Việt B tự nguyện nộp ngày 28/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho Nguyễn Việt B.

- Số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do bị cáo Nông Đức N tự nguyện nộp ngày 28/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho Nông Đức N.

- Số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) do bị cáo Tạ Văn N2 tự nguyện nộp ngày 30/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho Tạ Văn N2.

- Số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) do bị cáo Tạ Nguyễn L tự nguyện nộp ngày 30/10/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền phải thi hành án cho Tạ Nguyễn L.

**IV. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Việt B, Nông Đức N, Tạ Văn N2, Tạ Nguyễn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự” - Theo Điều 26 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND thành phố Bắc Kạn (01b);
- Công an thành phố Bắc Kạn (02b);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn (Khi án có hiệu lực - 01b);
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Văn Tư**

